

# **BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN PHẦN I**

*Giảng viên biên soạn: ThS Chung Thị Vân Anh*

## **CHƯƠNG I: CHỦ NGHĨA DUY VẬT VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG**

**Câu 1.** Triết học ra đời do đâu?

- a. Do ý muốn chủ quan của con người
- b. Do lý tính thế giới quy định.
- c. Do nhu cầu của thực tiễn.*
- d. Cả a, b và c

**Câu 2.** Triết học ra đời khi nào?

- a. Ngay khi xuất hiện con người.
- b. Khi khoa học xuất hiện.
- c. Khi tư duy của con người đạt trình độ cao có khả năng trừu tượng hoá, khái quát hoá, rút ra cái chung qua vô vàn sự kiện riêng lẻ.*
- d. Cả a, b và c

**Câu 3.** Tìm câu trả lời đúng nhất cho câu hỏi: triết học là gì?

- a. Là môn khoa học nghiên cứu về thế giới.
- b. Là môn khoa học nghiên cứu về tư duy.
- c. Là môn khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.*
- d. Cả a, b và c.

**Câu 4.** Đây là định nghĩa đầy đủ và hợp lý nhất về triết học?

- a. Triết học là hệ thống tri thức của con người về thế giới
- b. Triết học là tri thức lý luận của con người.

*c. Triết học là hệ thống tri thức lý luận của con người về thế giới, về vị trí, vai trò của con người trong thế giới ấy.*

d. Cả a, b và c

**Câu 5.** Nhận định nào dưới đây là không đúng?

a. Tự nhiên là đối tượng nghiên cứu của triết học.

b. Tự nhiên không phải là đối tượng nghiên cứu của triết học.

c. Tự nhiên là đối tượng nghiên cứu của khoa học tự nhiên và của triết học.

*d. Cả a, b và c.*

**Câu 6.** Đây là định nghĩa đúng về vấn đề cơ bản của triết học?

a. Vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề vật chất là gì, nó tồn tại như thế nào.

b. Vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề ý thức là gì, nó có nguồn gốc từ đâu.

*c. Vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại, giữa ý thức và vật chất.*

d. Cả a, b và c

**Câu 7.** Trong các câu nói sau đây đâu là cách diễn đạt mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học?

a. Cảm giác của con người là hình ảnh chân thực, sinh động về sự vật.

b. Khái niệm và cảm giác có quan hệ biện chứng với nhau.

*c. Giữa vật chất và ý thức cái nào có trước, cái nào có sau? cái nào quyết định cái nào?*

d. Cả a, b và c

**Câu 8.** Trong các câu sau, đâu là cách diễn đạt về mặt thứ hai của vấn đề cơ bản của triết học?

a. Thế giới vật chất tồn tại khách quan độc lập với ý thức, quyết định sự tồn tại của ý thức.

b. Các sự vật trong thế giới liên hệ với nhau và luôn vận động phát triển.

*c. Con người có thể nhận thức được thế giới hay không?*

d. Nhận thức cảm tính có những hình thức cơ bản là cảm giác, tri giác, và biểu tượng.

**Câu 9.** Chủ nghĩa duy tâm chủ quan là ?

- a. Thừa nhận vật chất tồn tại độc lập.
- b. Thừa nhận thực thể tinh thần tồn tại độc lập và quy định sự tồn tại của vật chất.

*c. Cho rằng cảm giác và ý thức của con người là cái có trước và tồn tại sẵn có trong con người, mọi sự vật hay thế giới vật chất chỉ là kết quả của sự phức hợp của cảm giác mà thôi.*

- d. Cả a, b và c

**Câu 10.** Vị mặn của muối là do cảm giác của con người quy định. Luận điểm đó thuộc quan điểm của trào lưu triết học nào?

- a. CNDVSH *c. CNDT chủ quan*
- b. CNDVBC d. CNDT khách quan

**Câu 11.** Không thể khẳng định một vật tồn tại khi không cảm nhận được nó. Đó là quan điểm của:

- a. CNDV SH c. CNDT khách quan
- b. CNDVBC *d. CNDT chủ quan*

**Câu 12.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật

- a. Vật chất là tính thứ nhất, ý thức là tính thứ hai
- b. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức
- c. Ý thức tồn tại độc lập, không phụ thuộc vào vật chất

*d. Phương án a và b.*

**Câu 13.** Chủ nghĩa duy vật có những hình thức cơ bản nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật ngây thơ, chất phác
- b. Chủ nghĩa duy vật siêu hình, máy móc
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

*d. Cả a, b và c.*

**Câu 14.** Triết học nào dưới đây thuộc các hình thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật.

- a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- b. Chủ nghĩa duy vật tầm thường
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

*d. Phương án a và c*

**Câu 15.** Trường phái triết học nào cho ý thức là tính thứ nhất quyết định sự tồn tại của vật chất?

- a. CNDT chủ quan
- b. CNDT khách quan
- c. CNDV
- d. Phương án a và b*

**Câu 16.** Đâu là triết học nhất nguyên?

- a. Vật chất là tính thứ nhất, quyết định sự tồn tại của ý thức.
- b. Vật chất và ý thức song song tồn tại, không cái nào quyết định cái nào.
- c. Ý thức là tính thứ nhất, quyết định sự tồn tại của vật chất.

*d. a và c*

**Câu 17.** Vấn đề cơ bản của triết học là vấn đề nào?

- a. Vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại.*
- b. Vấn đề quan hệ giữa tự nhiên và xã hội
- c. Vấn đề quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên
- d. Cả a, b và c

**Câu 18.** Tại sao vấn đề quan hệ giữa tư duy và tồn tại là vấn đề cơ bản của triết học?

- a. Vì nó là nền tảng và điểm xuất phát để giải quyết các vấn đề triết học khác.*
- b. Vì Các nhà triết học quy ước với nhau như vậy.
- c. Vì đó là vấn đề xuất hiện ngay khi triết học ra đời.
- d. Cả a, b và c

**Câu 19.** Có mấy vấn đề cơ bản của triết học?

- a. Một*
- b. Hai
- c. Ba
- d. Bốn

**Câu 20.** Vấn đề cơ bản của triết học gồm mấy mặt?

a. Ba mặt, đó là: 1) vật chất là gì; 2) ý thức là gì; 3) khả năng nhận thức của con người như thế nào.

*b. Hai mặt, đó là: 1) vật chất quyết định ý thức, hay ngược lại; 2) khả năng nhận thức của con người.*

c. Hai mặt. Đó là 1) Vật chất là gì; 2) ý thức là gì.

d. Cả a, b và c

**Câu 21.** Trong các nhận định sau đâu là triết học nhị nguyên

*a. Vật chất và ý thức song song tồn tại, không cái nào quyết định cái nào.*

b. Vật chất tồn tại khách quan, quyết định ý thức.

c. Ý thức tồn tại khách quan, quyết định sự tồn tại của vật chất.

d. Cả a, b và c

**Câu 22.** Đâu là đặc điểm của chủ nghĩa duy vật chất phác

a. Đồng nhất vật chất với một số dạng vật chất cụ thể.

b. Viện đến thần linh thượng đế để giải thích thế giới.

c. Những kết luận dựa trên quan sát trực tiếp, cảm tính chưa có cơ sở khoa học nên còn rất ngây thơ, chất phác.

*d. Phương án a và c*

**Câu 23.** Cho rằng giới tự nhiên và xã hội tồn tại hoàn toàn độc lập với nhau, không quan hệ gì với nhau. Đó là quan điểm của triết học nào.

a. CNDVBC

c. CNDT khách quan

b. CNDT chủ quan

*d. CNDV siêu hình*

**Câu 24.** Chủ nghĩa duy vật biện chứng xem xét thế giới như thế nào?

a. Như một cỗ máy khổng lồ, các bộ phận của nó tách rời nhau.

b. Như một dòng sông trôi đi liên tục, các bộ phận đều đồng nhất với nhau

*c. Thế giới vừa đa dạng vừa thống nhất biện chứng với nhau. Thế giới thống nhất ở tính vật chất của nó*

d. Thế giới vừa đa dạng, vừa thống nhất. Thế giới thống nhất ở tính tồn tại của nó.

**Câu 25.** Trong những nhận định sau, đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan?

*a. Ý niệm về cái nhà tồn tại độc lập, có trước cái nhà cụ thể và quyết định sự tồn tại của cái nhà cụ thể.*

b. Cái nhà tồn tại là do con người cảm nhận được

c. Sự tồn tại của cái nhà cụ thể là do sự kết hợp các yếu tố vật chất quy định, không phải do ý niệm hay do cảm giác của con người quyết định.

d. Cả a, b và c

**Câu 26.** Chủ nghĩa duy tâm có mấy loại?

*a. Hai loại*

c. Bốn loại

b. Ba loại

d. Một loại

**Câu 27.** Các loại chủ nghĩa duy tâm giống nhau ở chỗ nào?

a. Phủ nhận sự tồn tại khách quan của vật chất

b. Phủ nhận sự tồn tại độc lập của ý thức.

c. Thừa nhận tính thứ nhất của ý thức, thừa nhận ý thức tinh thần sáng tạo ra thế giới vật chất

*d. Phương án a và c*

**Câu 28.** Đây là phương pháp biện chứng

a. Xem xét sự vật trong trạng thái cô lập, tách rời.

*b. Xem xét sự vật trong sự liên hệ tác động qua lại lẫn nhau*

c. Xem xét sự vật trong trạng thái tĩnh tại, không vận động

d. Cả a, b và c

**Câu 29.** Đây là phương pháp siêu hình

a. Xem xét sự vật trong trạng thái cô lập, tách rời.

b. Xem xét sự vật trong sự liên hệ tác động qua lại lẫn nhau

c. Xem xét sự vật trong trạng thái tĩnh tại, không vận động

*d. a và c*

**Câu 30.** Đây là các hình thức cơ bản của phép biện chứng?

a. Phép biện chứng tự phát thời kỳ cổ đại

b. Phép siêu hình

c. Phép biện chứng duy tâm

*d. a và c*

**Câu 31.** Đây là các hình thức cơ bản của phép biện chứng?

a. Phép biện chứng tự phát thời kỳ cổ đại

b. Phép biện chứng duy tâm

c. Phép biện chứng duy vật

*d. Cả a, b và c*

**Câu 32.** Trường phái triết học nào thời kỳ cổ đại nêu ra thuyết nguyên tử?

*a. CNDV*

c. Thuyết nhị nguyên

b. CNDT

d. Cả a, b và c

**Câu 33.** Câu nói: không thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông, là của nhà triết học nào?

a. Xôcrát

*c. Hêraclít*

b. Platon

d. Đêmocrit

**Câu 34.** Sắp xếp các hình thức thế giới quan như thế nào là đúng theo thứ tự thời gian xuất hiện từ sớm đến muộn

a. Huyền thoại - triết học - tôn giáo

b. Triết học - tôn giáo - huyền thoại.

*c. Huyền thoại - tôn giáo - triết học*

d. Cả a, b và c

**Câu 35.** Trường phái triết học nào cho rằng nước là cơ sở tồn tại của các sự vật trong thế giới

a. CNDV biện chứng

*c. CNDV chất phác*

b. CNDV siêu hình

d. CNDT khách quan

**Câu 36.** Trường phái triết học nào dưới đây thừa nhận tính thống nhất của thế giới?

*a. Trường phái nhất nguyên luận.*

b. Trường phái nhị nguyên luận.

c. Thuyết bất khả tri.

d. Cả ba trường phái trên.

**Câu 37.** Trường phái triết học nào thừa nhận thế giới thống nhất ở yếu tố tinh thần?

a. Chủ nghĩa duy vật.

*b. Chủ nghĩa duy tâm.*

c. Thuyết bất khả tri.

d. Cả ba trường phái trên.

**Câu 38.** Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm thế nào về tính thống nhất của thế giới?

a. Tính thống nhất của thế giới là sự tồn tại của nó.

b. Tính thống nhất của thế giới là yếu tố tinh thần.

*c. Tính thống nhất thực sự của thế giới là ở tính vật chất của nó, điều này được chứng minh bằng sự phát triển lâu dài của triết học và khoa học tự nhiên.*

d. Nhờ có sự phát triển của ý niệm tuyệt đối mà thế giới có sự thống nhất.

**Câu 39.** Tính thống nhất vật chất của thế giới được thể hiện ở đặc điểm nào sau đây?

a. Chỉ có một thế giới duy nhất và thống nhất là thế giới vật chất

b. Thế giới vật chất biểu hiện qua nhiều dạng khác nhau và giữa chúng có mối liên hệ với nhau

c. Thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn, vô hạn và vô tận, không sinh ra và không mất đi

*d. Cả ba phương án trên*

**Câu 40.** Quan niệm nào dưới đây mang tính chất siêu hình?

a. Vật chất là nước

b. Vật chất là lửa

c. Vật chất là nguyên tử

*d. Cả ba phương án trên*

**Câu 41.** Vì sao nói quan niệm của các nhà triết học duy vật thời cổ đại mang tính trực quan, cảm tính?

a. Vì họ đồng nhất vật chất với vật thể.

*b. Vì họ sử dụng phương pháp quan sát trực tiếp và phỏng đoán*

c. Vì họ không thừa nhận thế giới được tạo thành bởi yếu tố tinh thần, ý thức.

d. Cả ba phương án trên.

**Câu 42.** Ưu điểm nổi bật trong quan niệm về thế giới của các nhà triết học duy vật thời cổ đại là gì?

*a. Họ giải thích thế giới bắt nguồn từ vật chất*

b. Họ giải thích thế giới bắt nguồn từ ý niệm



- c. Có quan niệm duy vật biện chứng về thế giới
- d. Cả ba ý trên

**Câu 43.** Ưu điểm nổi bật trong quan niệm về thế giới của các nhà triết học duy vật thế kỷ XVII, XVIII là gì?

- a. Họ giải thích thế giới bắt nguồn từ vật chất.*
- b. Họ cho rằng nguyên tử là khởi nguyên của thế giới.
- c. Có quan niệm duy vật biện chứng về thế giới.
- d. Cả ba ý trên

**Câu 44.** Vì sao các nhà triết học duy vật thế kỷ XVII, XVIII lại rơi vào quan điểm siêu hình khi giải thích về khởi nguyên của thế giới?

- a. Vì bị ảnh hưởng bởi phương pháp nghiên cứu của khoa học tự nhiên thực nghiệm.*
- b. Vì bị ảnh hưởng bởi học thuyết nguyên tử thời cổ đại.
- c. Vì họ cố gắng chống lại quan điểm của chủ nghĩa duy tâm.
- d. Cả ba phương án trên.

**Câu 45.** Quan niệm về phạm trù vật chất của các nhà triết học duy vật thế kỷ XVII, XVIII mang tính chất siêu hình vì họ:

- a. Đồng nhất vật chất với vật thể.
- b. Coi vận động của vật chất là sự tăng lên thuần túy về lượng.
- c. Tách rời vật chất với vận động.
- d. Cả ba phương án trên.*

**Câu 46.** Phát minh khoa học nào dưới đây chứng minh nguyên tử không phải là hạt nhỏ bé nhất?

- a. Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng.
- b. Học thuyết tế bào.
- c. Phát hiện ra điện tử.*
- c. Tìm ra tia X.

**Câu 47.** Năm 1895, Ronghen phát hiện ra tia X, điều này có ý nghĩa gì?

- a. Chứng minh nguyên tử là hạt nhỏ bé không phân chia được.
- b. Chứng minh thế giới được tạo thành bởi những hạt vật chất vô cùng nhỏ bé.

*c. Chứng minh thế giới còn được cấu tạo bởi sóng điện từ.*

d. Chứng minh các dạng vật chất của thế giới có thể bị phân chia thành nhiều phần khác nhau.

**Câu 48.** Những phát minh trong vật lý học cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX có ý nghĩa gì đối với sự ra đời định nghĩa vật chất của Lênin?

*a. Chứng minh quan niệm của các nhà triết học duy vật trước Mác là chưa đúng đắn, chưa đầy đủ*

b. Chứng minh vật lý học rơi vào cuộc khủng hoảng.

c. Tạo điều kiện để chủ nghĩa duy tâm công kích chủ nghĩa duy vật.

d. Cả ba phương án trên.

**Câu 49.** Trong tác phẩm “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán”, Lênin định nghĩa phạm trù vật chất với tư cách là một phạm trù triết học, điều đó có nghĩa gì?

a. Vật chất là các dạng vật chất cụ thể của giới tự nhiên

*b. Vật chất là một phạm trù rộng nhất, khái quát nhất*

c. Vật chất là cái đối lập với ý thức

d. Cả ba phương án trên

**Câu 50.** Lênin sử dụng phương pháp nào để định nghĩa phạm trù vật chất?

*a. Phương pháp định nghĩa thông qua mặt đối lập*

b. Phương pháp định nghĩa thông thường

c. Phương pháp so sánh

d. Cả ba phương pháp trên.

**Câu 51.** Lênin sử dụng phạm trù nào sau đây để định nghĩa phạm trù vật chất?

a. Giác quan.

*b. Cảm giác (đại diện cho ý thức)*

c. Nhận thức.

d. Cả ba phạm trù trên.

**Câu 52.** Lênin nói: “Vật chất là thực tại khách quan” có nghĩa là gì?

*a. Vật chất là tất cả những gì tồn tại bên ngoài, độc lập với tư duy, ý thức của con người*

- b. Vật chất là nguyên tử và chân không
- c. Vật chất là cái được phản ánh trong đầu óc con người
- d. Vật chất là cái cảm giác được

**Câu 53.** yếu tố nào dưới đây là một biểu hiện của thế giới vật chất?

- a. Đạo đức của con người
- b. Hình ảnh vật chất được tái hiện trong đầu óc con người.

*c. Các quan hệ xã hội mang tính khách quan*

- d. Cả ba ý trên

**Câu 54.** Trong định nghĩa vật chất của Lênin, khi giải quyết mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học, ông quan niệm thế nào?

- a. Vật chất được tạo ra bởi ý niệm tuyệt đối
- b. Con người có thể nhận thức được thế giới
- c. Vật chất được biểu hiện thông qua các dạng cụ thể và giữa chúng có mối liên hệ, tác động qua lại với nhau

*d. Trong quan hệ với ý thức, vật chất là cái có trước và giữ vai trò quyết định đối với ý thức*

**Câu 55.** Câu nào dưới đây thể hiện quan niệm cho rằng con người có khả năng nhận thức được thế giới?

- a. “Vật chất là phạm trù triết học”
- b. “Vật chất là thực tại khách quan”
- c. “Vật chất .... được đem lại cho con người trong cảm giác”

*d. “Vật chất .... được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác”*

**Câu 56.** Yếu tố nào dưới đây *không phải là vật chất*?

- a. Những thông tin khoa học trên mạng Internet

*b. Quan điểm của con người về CNXH*

c. Quan hệ giữa các thành viên trong trường Đại học Bà Rịa Vũng Tàu được biểu hiện là tồn tại xã hội

d. Những bí ẩn của giới tự nhiên chưa được con người khám phá

**Câu 57.** Định nghĩa vật chất của Lênin có ý nghĩa gì?

a. Khắc phục tính trực quan, siêu hình, máy móc trong quan niệm về vật chất của các nhà triết học duy vật trước Mác

b. Khắc phục cuộc khủng hoảng trong vật lý học cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

c. Phê phán, bác bỏ quan niệm của CNDT và thuyết bất khả tri trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học

*d. Cả ba ý trên*

**Câu 58.** Ăngghen cho rằng: vận động là “phương thức tồn tại của vật chất”, điều này có nghĩa là gì?

a. Vận động và vật chất không tách rời nhau

b. Thế giới vật chất được biểu hiện thông qua quá trình vận động, phát triển của các dạng vật chất

c. Mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới luôn vận động, biến đổi không ngừng

*d. Cả ba phương án trên*

**Câu 59.** Theo Ăng ghen, vận động được hiểu là gì?

a. Vận động là sự di chuyển vị trí của sự vật trong không gian

b. Vận động là sự gia tăng số lượng các sự vật

*c. Vận động hiểu theo nghĩa chung nhất bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ*

d. Cả ba ý trên

**Câu 60.** Theo quan điểm của CNDVBC, các mệnh đề nào dưới đây là không đúng?

*a. Sự vật muốn vận động thì cần phải có một lực bên ngoài tác động vào nó*

b. Vận động của vật chất biểu hiện rất đa dạng, phong phú, tùy vào kết cấu vật chất

c. Vận động của vật chất là vận động tự thân

d. Vận động và vật chất gắn liền với nhau

**Câu 61.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguyên nhân nào dẫn đến vận động của vật chất?

*a. Do mỗi sự vật, hiện tượng đều chứa đựng các mặt, các yếu tố cấu thành và giữa chúng có sự liên hệ, tác động qua lại với nhau*

b. Do có một lực bên ngoài tác động vào các sự vật, hiện tượng đó.

c. Cả a và b đều đúng

d. Cả a và b đều sai

**Câu 62.** Trong các hình thức vận động sau đây, hình thức nào không bao hàm vận động của các phân tử, các hạt cơ bản, vận động điện tử, các quá trình nhiệt, điện?

*a. Vận động cơ học*

b. Vận động vật lý

c. Vận động hoá học

d. Vận động sinh học

**Câu 63.** Theo quan điểm của CNDVBC, phát biểu nào dưới đây là không đúng?

*a. Không gian của vật chất là một khoảng không trống rỗng*

b. Không gian là hình thức tồn tại của vật chất, biểu hiện những thuộc tính như: cùng tồn tại và tách biệt, có kết cấu và quảng tính

c. Không gian gắn liền với vật chất đang vận động

d. Không gian có ba chiều

**Câu 64.** Trong lĩnh vực xã hội, không gian của vật chất được biểu hiện như thế nào?

a. Môi trường tự nhiên mà con người đang sinh sống

b. Số lượng người đang quan hệ với nhau

*c. Môi trường văn hoá, xã hội mà con người đang hoạt động*

d. Cả ba phương án trên

**Câu 65.** Phạm trù nào sau đây biểu hiện những thuộc tính như: “độ sâu của sự biến đổi, trình tự xuất hiện và mất đi của các sự vật, các trạng thái khác nhau trong thế giới vật chất”.

a. Vận động

b. Không gian

b. Đứng im

*d. Thời gian*

**Câu 66.** Ăng ghen nói rằng: Sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ, đó là hai sức kích thích chủ yếu của sự chuyển biến bộ não của loài vật thành bộ não của con người, tâm lý động vật thành ý thức. Điều đó có nghĩa là gì?

a. Con người chỉ có thể có ý thức khi anh ta tham gia sản xuất vật chất

*b. Lao động là hoạt động cơ bản của xã hội để kích thích quá trình hình thành, phát triển ý thức con người*

c. Lao động gắn bó chặt chẽ với ngôn ngữ

d. Cả ba ý trên

**Câu 67.** Lao động có vai trò gì đối với sự hình thành ý thức của con người?

a. Lao động giúp con người tạo ra nguồn thức ăn giàu chất dinh dưỡng để nuôi dưỡng cơ thể và phát triển bộ óc của mình

b. Lao động giúp con người biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động tác động vào giới tự nhiên theo mục đích của bản thân

c. Lao động giúp con người hình thành ngôn ngữ

*d. Cả ba ý trên*

**Câu 68.** Ngôn ngữ có vai trò gì đối với sự hình thành ý thức con người?

a. Giúp con người có khả năng khái quát hoá, trừu tượng hoá

b. Giúp con người có khả năng suy nghĩ tách khỏi sự vật cảm tính

c. Giúp con người truyền đạt thông tin thuận lợi

*d. Cả ba ý trên*

**Câu 69.** Trong các ví dụ dưới đây, trường hợp nào không thuộc phạm trù ý thức?

a. Truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của người Việt

*b. Thông tin khoa học trên mạng Internet*

c. Tư tưởng chấp hành pháp luật của người dân Việt Nam

d. Cả ba ý trên

**Câu 70.** Thế nào là tính sáng tạo của ý thức?

*a. Trong quá trình phản ánh thế giới vật chất, ý thức giữ lại bản chất của các sự vật, hiện tượng*

b. Trên cơ sở của sự phản ánh sự vật, hiện tượng vào các giác quan, con người ghi nhận nguyên si sự vật, hiện tượng đó

c. Cả a và b đều đúng

d. Cả a, b đều sai

**Câu 71.** Ý thức gồm yếu tố nào?

a. Tri thức

c. Cảm xúc

b. Tình cảm

*d. Tất cả các yếu tố trên*

**Câu 72.** Trong các ví dụ dưới đây, trường hợp nào thuộc vô thức?

a. Khả năng tự đánh giá, nhận xét bản thân mình

*b. Giấc mơ*

c. Khả năng sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành

d. Tất cả các trường hợp trên

**Câu 73.** Vai trò của vô thức là gì?

*a. Giải tỏa những ức chế trong hoạt động thần kinh.*

b. Điều khiển hành vi của con người

c. Giúp con người định hướng các hoạt động của mình

d. Tất cả các ý trên

**Câu 74.** Trong các ví dụ dưới đây, trường hợp nào thuộc tiềm thức?

a. Khả năng tự đánh giá, nhận xét bản thân mình

b. Giấc mơ

*c. Khả năng sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành*

d. Cả a, b và c đều đúng

**Câu 75.** Quan điểm của CNDVBC về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức cho rằng: vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức, điều đó có ý nghĩa gì trong nhận thức:

*a. Nhận thức của con người phải xuất phát từ hiện thực khách quan*

- b. Con người phải dựa vào hiểu biết của mình để tác động vào thế giới, cải tạo thế giới
- c. Con người phải tạo ra các điều kiện vật chất để tác động vào thế giới
- d. Cả ba ý trên

## CHƯƠNG II: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

**Câu 1.** Mỗi liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng có tính chất gì?

- a. Khách quan, tiền định.
- b. Chủ quan, phổ biến.
- c. *Khách quan, phổ biến, đa dạng*
- d. Cả a, b và đều sai

**Câu 2.** Những mối liên hệ (MLH) nào giữ vai trò quyết định sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng?

- a. MLH khách quan và chủ quan.
- b. MLH bên ngoài.
- c. *MLH bên trong.*
- d. MLH cả bên trong lẫn bên ngoài.

**Câu 3.** Quan niệm triết học mácxít coi phát triển là gì?

- a. Là sự biến đổi cả về chất của sự vật
- b. Là sự tăng hay giảm về số lượng.
- c. Là sự thay đổi luôn tiến bộ.
- d. *Là sự vận động từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.*

**Câu 4.** Phát triển có tính chất gì?

- a. *Khách quan, phổ biến, đa dạng*
- b. Quy ước, phổ biến.
- c. Tiền định, khách quan.
- d. Chủ quan, phổ biến.



**Câu 5.** Khi xem xét sự vật, quan điểm toàn diện yêu cầu điều gì?

- a. Phải nhấn mạnh mọi yếu tố, mọi mối liên hệ của sự vật.
- b. Phải coi các yếu tố, các mối liên hệ của sự vật là ngang nhau.
- c. *Phải nhận thức sự vật như một hệ thống chỉnh thể bao gồm những mối liên hệ qua lại giữa các yếu tố của nó cũng như giữa nó với các sự vật khác.*
- d. Phải xem xét các yếu tố, các mối liên hệ cơ bản, quan trọng và bỏ qua những yếu tố, những mối liên hệ không cơ bản, không quan trọng.

**Câu 6.** Khi xem xét sự vật, quan điểm phát triển yêu cầu điều gì?

- a. *Phải xem xét sự vật trong sự vận động, phát triển của chính nó.*
- b. Phải thấy được sự vật sẽ như thế nào trong tương lai.
- c. Phải thấy được sự tiến bộ mà không cần xem xét những bước thụt lùi của sự vật.
- d. Cả a, b và c đều đúng.

**Câu 7.** Quan điểm toàn diện đối lập với quan điểm gì?

- a. Quan điểm chiết trung.
- b. Quan điểm ngẫu nhiên.
- c. *Quan điểm phiến diện.*
- d. Cả a, b và c đều đúng.

**Câu 8.** Quan điểm phát triển đối lập với quan điểm gì?

- a. *Quan điểm bảo thủ, định kiến.*
- b. Quan điểm toàn diện.
- c. Quan điểm lịch sử - cụ thể.
- d. Quan điểm chủ quan, duy ý chí.

**Câu 9.** Khi đánh giá một con người, quan điểm toàn diện đòi hỏi điều gì?

- a. Phải đặc biệt nhấn mạnh một mặt nào đó, bỏ qua những mặt còn lại.
- b. Phải xuất phát từ mục đích và lợi ích của họ mà đánh giá.
- c. Phải đặt họ vào những điều kiện, thời đại của mình mà đánh giá.
- d. *Phải đặt họ trong những mối quan hệ với những người khác, với những việc khác có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của họ mà đánh giá.*

**Câu 10.** Trường phái triết học nào coi phát triển chỉ là sự thay đổi về lượng?

- a. **Duy vật siêu hình.**
- b. Duy tâm khách quan.
- c. Duy tâm chủ quan.
- d. Duy vật biện chứng.

**Câu 11.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về chất của sự vật

- a. Chất của sự vật tồn tại khách quan bên ngoài sự vật, không phụ thuộc vào ý thức của con người
- b. Chất của sự vật do cảm giác của con người quyết định
- c. *Chất là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng, là sự thống nhất hữu cơ của những thuộc tính, những yếu tố cấu thành sự vật, hiện tượng, nói lên sự vật, hiện tượng đó là gì, phân biệt nó với các sự vật, hiện tượng khác*
- d. Chất của sự vật là thuộc tính của sự vật

**Câu 12.** Khẳng định có "chất" thuần túy tồn tại khách quan bên ngoài sự vật là quan điểm của trường phái triết học nào?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

*d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan*

**Câu 13.** Khẳng định không có chất thuần túy tồn tại mà chỉ có sự vật có chất, hơn nữa sự vật có vô vàn chất mới tồn tại. Đó là quan điểm của ai và thuộc trường phái triết học nào?

- a. Phơ-bách, chủ nghĩa duy vật
- b. Hêghen, chủ nghĩa duy tâm
- c. Ăngghen, CNDV biện chứng
- d. Mác, CNDV biện chứng

**Câu 14.** Cho rằng lượng của sự vật là do cảm giác của con người quyết định, đó là quan điểm của triết học nào?

- a. Triết học duy vật biện chứng.
- b. Triết học duy tâm khách quan
- c. Triết học duy tâm chủ quan
- d. Triết học duy vật siêu hình.

**Câu 15.** Cho rằng ý thức chúng ta kết hợp hai mặt đối lập bất kỳ đều tạo thành mâu thuẫn biện chứng là khẳng định của triết học nào?

- a. CNDVBC
- b. Chủ nghĩa duy tâm
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Cả a, b và c

**Câu 16.** Triết học nào cho rằng mâu thuẫn là một hiện tượng khách quan và phổ biến của thế giới vật chất?

- a. CNDV siêu hình
- b. CNDT chủ quan
- c. CNDVBC
- d. CNDT khách quan

**Câu 17.** Đây là quan niệm của chủ nghĩa duy tâm về mâu thuẫn

- a. Không tồn tại mâu thuẫn trong các sự vật một cách khách quan
- b. Mâu thuẫn của sự vật là biểu hiện mâu thuẫn của lý tính thế giới
- c. Mâu thuẫn của sự vật tồn tại khách quan trong sự vật, do sự kết hợp các mặt đối lập của bản thân sự vật

*d. Phương án a và b*

**Câu 18.** Phủ định biện chứng có tính chất gì?

- a. Tính khách quan

b. Có tính kế thừa

*c. Cả a và b đều đúng*

d. Cả a, b đều sai

**Câu 19.** Cái cũ không bị xoá bỏ hoàn toàn mà được bảo tồn trong cái mới dưới dạng cải biến đi, đó là tính chất gì của phủ định biện chứng?

a. Tính khách quan      *c. Tính kế thừa*

b. Tính Phức tạp      d. Tính chu kỳ

**Câu 20.** Quy luật nào trong các quy luật của phép biện chứng duy vật cho biết phương thức của sự vận động, phát triển?

a. Quy luật mâu thuẫn

*b. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại*

c. Quy luật phủ định của phủ định

d. Cả a, b và c

**Câu 21.** Quy luật nào trong các quy luật của phép biện chứng duy vật cho biết nguồn gốc của sự vận động, phát triển?

*a. Quy luật mâu thuẫn*

b. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.

c. Quy luật phủ định của phủ định

d. Cả a, b và c

**Câu 22.** Quy luật nào trong các quy luật của phép biện chứng duy vật cho biết khuynh hướng của sự phát triển?

a. Quy luật mâu thuẫn

b. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.

*c. Quy luật phủ định của phủ định*

d. Cả a, b và c

**Câu 23.** Quy luật của phép biện chứng tác động trong những lĩnh vực nào sau đây?

- a. Tự nhiên                      c. Tư duy
- b. Xã hội                      *d. Cả a, b, và c*

**Câu 24.** Trong những nhận định sau, đâu là nhận định sai?

- a. Quy luật tự nhiên, xã hội và tư duy đều tồn tại khách quan
- b. Quy luật tự nhiên và xã hội là khách quan, còn quy luật tư duy là chủ quan*
- c. Biện chứng chủ quan là phản ánh biện chứng khách quan
- d. Cả a, b và c

**Câu 25.** Đặc điểm quan trọng nhất của quy luật phủ định của phủ định là gì?

- a. Tính khách quan      b. Tính kế thừa
- c. Tính phổ biến                      *d. Tính lặp lại cái ban đầu trên cơ sở mới*

**Câu 26.** Những quy luật của phép biện chứng không thể đưa từ bên ngoài vào giới tự nhiên, mà là phát hiện ra chúng trong giới tự nhiên và rút ra từ giới tự nhiên. Đó là luận điểm của

- a. CNDVBC*                                      c. CNDT khách quan
- b. CNDVSH                                      d. CNDT chủ quan

**Câu 27.** Luận điểm sau thuộc lập trường triết học nào: Quy luật trong các khoa học là sự sáng tạo của con người và được áp dụng vào tự nhiên và xã hội

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 28.** Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm "chất": "Chất là phạm trù triết học dùng để chỉ ... (1) ... khách quan ... (2) ... là sự thống nhất hữu cơ những thuộc tính làm cho sự vật là nó chứ không là cái khác"

- a. (1) Tính quy định, (2) vốn có của sự vật*
- b. (1) môi liên hệ, (2) của các sự vật
- c. (1) các nguyên nhân, (2) của các sự vật
- d. Cả a, b và c

**Câu 29.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là không đúng?

- a. Chất là tính quy định vốn có của sự vật.
- b. Chất là tổng hợp hữu cơ các thuộc tính của sự vật nói lên sự vật là cái gì.
- c. Chất đồng nhất với thuộc tính*
- d. Cả a, b và c

**Câu 30.** Nhận định nào là đúng trong số các nhận định sau?

- a. Chất đồng nhất với thuộc tính
- b. Chất hoàn toàn khác thuộc tính
- c. Chất và thuộc tính phân biệt với nhau một cách tương đối*
- d. Cả a, b và c

**Câu 31.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Thuộc tính của sự vật là những đặc tính vốn có của sự vật.
- b. Thuộc tính của sự vật bộc lộ thông qua sự tác động giữa các sự vật
- c. Thuộc tính của sự vật không phải là cái vốn có của sự vật*
- d. Cả a, b và c

**Câu 32.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Chất tồn tại khách quan bên ngoài sự vật*
- b. Chất tồn tại khách quan gắn liền với sự vật
- c. Không có chất thuần túy bên ngoài sự vật
- d. Cả a, b và c

**Câu 33.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Mỗi sự vật có nhiều thuộc tính.
- b. Mỗi thuộc tính biểu hiện một mặt chất của sự vật.
- c. Mỗi thuộc tính có thể đóng vai trò là tính quy định về chất trong một quan hệ nhất định.

*d. Mỗi sự vật chỉ có một tính quy định về chất*

**Câu 34.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Không có chất thuần túy tồn tại bên ngoài sự vật
- b. Chỉ có sự vật có chất mới tồn tại
- c. Chỉ có sự vật có vô vàn chất mới tồn tại

*d. Sự vật và chất hoàn toàn đồng nhất với nhau*

**Câu 35.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

- a. Chất của sự vật được biểu hiện thông qua thuộc tính của sự vật*
- b. Mọi thuộc tính đều biểu hiện chất của sự vật
- c. Thuộc tính thay đổi, luôn làm cho chất của sự vật thay đổi
- d. Cả a, b và c

**Câu 36.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Chất của sự vật tồn tại do phương pháp quan sát sự vật của con người quyết định"

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

*b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*

- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Cả a, b và c

**Câu 37.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng

*a. Chất là cái vốn có của sự vật, tồn tại khách quan trong sự vật*

b. Chất của sự vật phụ thuộc vào cách xem xét của con người, do vậy không tồn tại khách quan mà do ý muốn chủ quan con người quyết định

- c. Chất của sự vật tồn tại khách quan trước khi sự vật tồn tại
- d. Cả a, b và c

**Câu 38.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan

a. Chất là cái vốn có của sự vật, tồn tại khách quan trong sự vật.

*b. Chất của sự vật phụ thuộc vào cách xem xét của con người, do vậy không tồn tại khách quan mà do ý muốn chủ quan con người quyết định*

- c. Chất của sự vật tồn tại khách quan trước khi sự vật tồn tại
- d. Cả a, b và c

**Câu 39.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan

- a. Chất là cái vốn có của sự vật, tồn tại khách quan trong sự vật
- b. Chất của sự vật phụ thuộc vào cách xem xét của con người, do vậy không tồn tại khách quan mà do ý muốn chủ quan con người quyết định

*c. Chất của sự vật tồn tại khách quan trước khi sự vật tồn tại*

- d. Cả a, b và c

**Câu 40.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Chất của sự vật phụ thuộc vào số lượng các yếu tố tạo thành sự vật
- b. Chất của sự vật phụ thuộc vào phương thức kết hợp các yếu tố của sự vật

*c. Mọi sự thay đổi phương thức kết hợp các yếu tố của sự vật, đều không làm cho chất của sự vật thay đổi*

- d. Cả a, b và c

**Câu 41.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Chất tồn tại khách quan trước khi sự vật tồn tại, quyết định đến sự tồn tại của sự vật

*a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan*

- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

**Câu 42.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Chất của sự vật phụ thuộc vào góc độ xem xét của con người, vậy chất của sự vật là cái do ý muốn con người quyết định".

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng



**Câu 43.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Trong mọi quan hệ, mọi cách xem xét thì chất, lượng và thuộc tính để phân biệt hoàn toàn với nhau, không thể chuyển hoá cho nhau"

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình*
- d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

**Câu 44.** Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm "lượng": Lượng là phạm trù triết học dùng để chỉ...(1) ... của sự vật về mặt ... (2) ... của sự vận động và phát triển cũng như các thuộc tính của sự vật.

- a. (1) tính quy định vốn có, (2) số lượng, quy mô, trình độ, nhịp điệu*
- b. (1) mối liên hệ và phụ thuộc, (2) bản chất bên trong.
- c. (1) mức độ quy mô, (2) chất lượng, phẩm chất.
- d. Cả a, b và c

**Câu 45.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thể hiện trong những nhận định sau

- a. Lượng là cái vốn có của sự vật, không phụ thuộc vào ý chí của con người*
- b. Lượng của sự vật do cảm giác của con người xác định, không tồn tại khách quan
- c. Lượng của sự vật tồn tại trước sự vật
- d. Cả a, b và c

**Câu 46.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan thể hiện trong những nhận định sau

- a. Lượng là cái vốn có của sự vật, không phụ thuộc vào ý chí của con người.
- b. Lượng của sự vật do cảm giác của con người xác định, không tồn tại khách quan*
- c. Lượng của sự vật tồn tại trước sự vật
- d. Cả a, b và c

**Câu 47.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan thể hiện trong những nhận định sau

- a. Lượng là cái vốn có của sự vật, không phụ thuộc vào ý chí của con người.

b. Lượng của sự vật do cảm giác của con người xác định, không tồn tại khách quan.

*c. Lượng của sự vật tồn tại trước sự vật*

d. Cả a, b và c

**Câu 48.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Lượng là tính quy định vốn có của sự vật

b. Lượng nói lên quy mô, trình độ phát triển của sự vật

*c. Lượng phụ thuộc vào ý chí của con người*

d. Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật

**Câu 49.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Chất và lượng của sự vật đều tồn tại khách quan

b. Không có chất lượng thuần túy tồn tại bên ngoài sự vật

*c. Sự phân biệt giữa chất và lượng phụ thuộc vào ý chí của con người*

d. Sự phân biệt giữa chất và lượng của sự vật có tính chất tương đối

**Câu 50.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Sự vật nào cũng là sự thống nhất giữa mặt chất và lượng

b. Tính quy định về chất nào của sự vật cũng có tính quy định về lượng tương ứng

*c. Tính quy định về chất không có tính ổn định*

d. Tính quy định về lượng nói lên mặt thường xuyên biến đổi của sự vật

**Câu 51.** Theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Độ là phạm trù chỉ sự biến đổi của lượng

b. Độ là phạm trù chỉ sự biến đổi của chất

*c. Độ là phạm trù triết học chỉ giới hạn biến đổi của lượng, trong đó chưa làm thay đổi chất của sự vật*

d. Cả a, b và c

**Câu 52.** Giới hạn từ 0°C đến 100°C được gọi là gì trong quy luật lượng - chất?

*a. Độ*

c. Lượng

b. Chất

d. Bước nhảy

**Câu 53.** Khi nước chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí tại  $100^{\circ}\text{C}$  được gọi là gì trong quy luật lượng - chất?

a. Độ

*c. Điểm nút*

b. Bước nhảy

d. Tiệm tiến

**Câu 54.** Trong một mối quan hệ nhất định cái gì xác định sự vật?

a. Tính quy định về lượng

c. Thuộc tính của sự vật

*b. Tính quy định về chất*

d. Cả a, b và c

**Câu 55.** Tính quy định nói lên sự vật trong một mối quan hệ nhất định nào đó, gọi là gì?

*a. Chất*

c. Độ

b. Lượng

d. Bước nhảy

**Câu 56.** Tính quy định nói lên quy mô, trình độ phát triển của sự vật trong một mối quan hệ nhất định được gọi là gì?

a. Chất

c. Độ

*b. Lượng*

d. Điểm nút

**Câu 57.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Trong giới hạn của độ sự thay đổi của lượng chưa làm cho chất của sự vật biến đổi

*b. Trong giới hạn của độ sự thay đổi của lượng đều đưa đến sự thay đổi về chất của sự vật*

c. Chỉ khi lượng đạt đến giới hạn của độ mới làm cho chất của sự vật thay đổi

d. Cả a, b và c

**Câu 58.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Không phải mọi sự biến đổi của lượng đều đưa đến sự biến đổi của chất.

b. Sự thay đổi của lượng phải đạt đến một giới hạn nhất định mới làm cho chất của sự vật thay đổi.

*c. Mọi sự thay đổi của lượng đều đưa đến sự thay đổi về chất của sự vật*

d. Cả a, b và c

**Câu 59.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

*a. Sự biến đổi về chất là kết quả sự biến đổi về lượng của sự vật*

b. Không phải sự biến đổi về chất nào cũng là kết quả của sự biến đổi về lượng

c. Sự biến đổi về chất hoàn toàn không liên quan gì đến sự thay đổi của lượng

d. Cả a, b và c

**Câu 60.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về lượng

b. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về chất

*c. Quá trình phát triển của sự vật là quá trình chuyển hoá từ sự thay đổi dần dần về lượng sang sự thay đổi về chất và ngược lại*

d. Cả a, b và c

**Câu 61.** Câu ca dao: Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao,

Thể hiện nội dung quy luật nào của phép biện chứng duy vật?

a. Quy luật mâu thuẫn

b. Quy luật phủ định của phủ định

*c. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại*

d. Cả a, b và c

**Câu 62.** Trong hoạt động thực tiễn sai lầm của sự chủ quan, nóng vội là do không tôn trọng quy luật nào?

a. Quy luật mâu thuẫn

b. Quy luật phủ định của phủ định

*c. Quy luật lượng - chất*

d. Cả a, b và c

**Câu 63.** Trong hoạt động thực tiễn sai lầm của trì trệ bảo thủ là do không tôn trọng quy luật nào của phép biện chứng duy vật?

- a. *Quy luật lượng - chất*
- b. Quy luật phủ định của phủ định
- c. Quy luật mâu thuẫn
- d. Cả a, b và c

**Câu 64.** Lênin nói quy luật mâu thuẫn có vị trí như thế nào trong phép biện chứng duy vật?

- a. *Là hạt nhân của phép biện chứng duy vật, vạch ra nguồn gốc bên trong của sự vận động và phát triển*
- b. Vạch ra xu hướng của sự phát triển
- c. Vạch ra cách thức của sự phát triển
- d. Cả a, b và c

**Câu 65.** Nhận định nào sau đây là sai?

- a. Sự vật là một thể thống nhất không có mâu thuẫn
- b. Hai mặt đối lập nào kết hợp với nhau cũng tạo thành mâu thuẫn
- c. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong tư duy không tồn tại trong hiện thực
- d. *Cả a, b, và c*

**Câu 66.** Trong lý luận về mâu thuẫn người ta gọi quá trình đồng hoá và dị hoá trong cơ thể sống là gì?

- a. Những thuộc tính
- b. Những sự vật
- c. Hai yếu tố
- d. *Hai mặt đối lập*

**Câu 68.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Mặt đối lập là những mặt có đặc điểm trái ngược nhau, quan hệ mật thiết với nhau trong sự vật.
- b. Mặt đối lập tồn tại khách quan trong các sự vật
- c. *Mỗi mặt đối lập tồn tại riêng biệt, không quan hệ gì với cái đối lập với nó và với sự vật*

d. Mặt đối lập là vốn có của các sự vật, hiện tượng, không do ai sáng tạo ra

**Câu 69.** Theo quan điểm của CNDVBC các mặt đối lập do đâu mà có?

a. Do ý thức cảm giác của con người tạo ra.

b. Do ý niệm tuyệt đối sinh ra

*c. Là cái vốn có của thế giới vật chất, không do ai sáng tạo ra*

d. Cả a, b và c

**Câu 70.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Các mặt đối lập nằm trong sự liên hệ với nhau, không có mặt đối lập nào tồn tại biệt lập

*b. Không phải lúc nào các mặt đối lập cũng liên hệ với nhau*

c. Các mặt đối lập liên hệ, tác động qua lại với nhau một cách khách quan

d. Cả a, b và c

**Câu 71.** Luận điểm nào sau đây là không đúng

a. Hai mặt đối lập của sự vật liên hệ với nhau tạo thành mâu thuẫn biện chứng

*b. Ghép hai mặt đối lập lại với nhau là được mâu thuẫn biện chứng*

c. Không phải ghép bất kỳ hai mặt đối lập lại với nhau là được mâu thuẫn biện chứng

d. Cả a, b và c

**Câu 72.** Luận điểm nào sau đây là đúng

*a. Không có mặt đối lập nào của sự vật tồn tại biệt lập với mặt đối lập của nó*

b. Mỗi mặt đối lập đều tồn tại riêng biệt.

c. Mặt đối lập không phải luôn luôn tồn tại riêng biệt.

d. Cả a, b và c.

**Câu 73.** Hai mặt đối lập ràng buộc nhau, tạo tiền đề tồn tại cho nhau triết học gọi là gì?

a. Sự đấu tranh của hai mặt đối lập

*b. Sự thống nhất của hai mặt đối lập*

c. Sự chuyển hoá của hai mặt đối lập

d. Cả a, b và c

**Câu 74.** Theo quan điểm của CNDVBC sự thống nhất của các mặt đối lập có những biểu hiện gì?

*a. Sự cùng tồn tại, nương tựa nhau*

b. Sự đồng nhất, có những điểm chung giữa hai mặt đối lập

c. Sự tác động ngang bằng nhau.

d. Cả a, b và c

**Câu 75.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Sự thống nhất của các mặt đối lập loại trừ sự đấu tranh của các mặt đối lập"

*a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình*

b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

c. Chủ nghĩa duy tâm biện chứng

d. Cả a, b và c

**Câu 76.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thể hiện trong các nhận định sau

a. Sự thống nhất không bao hàm sự đấu tranh giữa các mặt đối lập

b. Sự thống nhất bao hàm sự đấu tranh giữa các mặt đối lập

c. Sự thống nhất là sự thỏa hiệp giữa các mặt đối lập

*d. Cả b và c*

**Câu 77.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan thể hiện trong các nhận định sau:

*a. Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập được thực hiện trước, bên ngoài sự vật.*

b. Sự vật chỉ là biểu hiện của quá trình thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập của lý tính thế giới

c. Cả a và b đều sai

d. Cả a và b đều đúng

**Câu 80.** Sự tác động theo xu hướng nào thì được gọi là sự đấu tranh của các mặt đối lập?

a. Ràng buộc nhau.

*c. Phủ định, bài trừ nhau*

b. Nương tựa nhau

d. Cả a, b và c

**Câu 81.** Theo quan điểm của CNDVBC nhận định nào là đúng trong các nhận định sau

*a. Thống nhất là tương đối, đấu tranh là tuyệt đối*

b. Thống nhất là tuyệt đối, đấu tranh là tương đối

c. Cả a và b đều sai

d. Cả a, b đều đúng

**Câu 82.** Theo quan điểm của CNDVBC, đâu là nhận định đúng trong các nhận định sau

a. Chỉ có thống nhất giữa các mặt đối lập là động lực của sự vận động và phát triển.

b. Chỉ có đấu tranh giữa các mặt đối lập là động lực của sự vận động và phát triển.

*c. Thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập là động lực của sự vận động và phát triển của sự vật*

d. Cả a, b và c

**Câu 83.** Lập trường triết học nào cho rằng mâu thuẫn tồn tại là do tư duy, ý thức của con người quyết định?

a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

*b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

**Câu 84.** Quan điểm triết học nào cho rằng mâu thuẫn và quy luật mâu thuẫn là sự vận động của ý niệm tuyệt đối?

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

*b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan*

d. Cả a, b đều đúng

**Câu 85.** Quan điểm nào sau đây là của CNDVBC?

*a. Mâu thuẫn tồn tại khách quan trong mọi sự vật, hiện tượng, quá trình của tự nhiên, xã hội và tư duy*

b. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong tư duy

c. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong một số hiện tượng

d. Cả a, b đều đúng



**Câu 86.** Trong mâu thuẫn biện chứng các mặt đối lập quan hệ với nhau như thế nào?

- a. Chỉ thống nhất với nhau.
- b. Chỉ có mặt đấu tranh với nhau
- c. *Vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau*
- d. Cả a, b đều đúng

**Câu 87.** Trong phép biện chứng duy vật sự thay thế sự vật này bằng sự vật kia (thí dụ: nụ thành hoa, hoa thành quả v.v.) được gọi là gì?

- a. Mâu thuẫn
- b. *Phủ định*
- c. Tồn tại
- d. Vận động

**Câu 88.** Sự tự thay thế sự vật này bằng sự vật kia không phụ thuộc vào ý thức con người trong phép biện chứng duy vật được gọi là gì?

- a. Vận động
- b. Phủ định
- c. *Phủ định biện chứng*
- d. Phủ định của phủ định

**Câu 89.** Tôi nói "bông hoa hồng đỏ". Tôi lại nói "bông hoa hồng không đỏ" để phủ nhận câu nói trước của tôi. Đây có phải là phủ định biện chứng không?

- a. *Không*
- b. Phải
- c. Vừa phải vừa không phải
- d. Cả a, b đều sai

**Câu 90.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Phủ định biện chứng có tính khách quan
- b. Phủ định biện chứng là kết quả giải quyết những mâu thuẫn bên trong sự vật
- c. *Phủ định biện chứng phụ thuộc vào ý thức của con người*
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 91.** Theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là sai?

- a. *Phủ định biện chứng xoá bỏ cái cũ hoàn toàn*
- b. Phủ định biện chứng không đơn giản xoá bỏ cái cũ
- c. Phủ định biện chứng loại bỏ những yếu tố không thích hợp của cái cũ
- d. Phủ định biện chứng giữ lại và cải biến những yếu tố còn thích hợp của cái cũ.

**Câu 92.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Cái mới ra đời trên cơ sở phá huỷ hoàn toàn cái cũ"

*a. Quan điểm siêu hình*

b. Quan điểm biện chứng duy vật

c. Quan điểm biện chứng duy tâm

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 93.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Cái mới ra đời trên cơ sở giữ nguyên cái cũ"

a. Quan điểm biện chứng duy vật

b. Quan điểm biện chứng duy tâm

*c. Quan điểm siêu hình, phản biện  
chứng*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 94.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Triết học Mác ra đời trên cơ sở phủ định hoàn toàn các hệ thống triết học trong lịch sử"

- a. Quan điểm duy tâm siêu hình
- b. Quan điểm biện chứng duy vật
- c. Quan điểm biện chứng duy tâm
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 95.** Sự tự phủ định để đưa sự vật dường như quay lại điểm xuất phát ban đầu trong phép biện chứng được gọi là gì?

- a. Phủ định biện chứng
- b. *Phủ định của phủ định*
- c. Bước nhảy
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 96.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Phủ định của phủ định có tính khách quan và kế thừa
- b. *Phủ định của phủ định hoàn toàn lặp lại cái ban đầu*
- c. Phủ định của phủ định lặp lại cái ban đầu trên cơ sở mới cao hơn
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 97.** Con đường phát triển của sự vật mà quy luật phủ định của phủ định vạch ra là con đường nào?

- a. Đường thẳng đi lên
- b. Đường tròn khép kín
- c. *Đường xoáy ốc đi lên*
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 98.** Theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Phủ định của phủ định kết thúc một chu kỳ phát triển của sự vật
- b. *Phủ định của phủ định kết thúc sự phát triển của sự vật*
- c. Phủ định của phủ định mở đầu một chu kỳ phát triển mới của sự vật
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 99.** Vị trí của quy luật phủ định của phủ định trong phép biện chứng duy vật?

- a. Chỉ ra nguồn gốc của sự phát triển
- b. Chỉ ra cách thức của sự phát triển
- c. Chỉ ra xu hướng của sự phát triển*
- d. Cả a, b và c

**Câu 100.** Các phạm trù số, hàm số, điểm, đường, mặt là phạm trù của khoa học nào?

- a. Vật lý *c. Toán học*
- b. Hoá học d. Triết học

**Câu 101.** Các phạm trù: thực vật, động vật, tế bào, đồng hoá, dị hoá là những phạm trù của khoa học nào

- a. Toán học *c. Sinh vật học*
- b. Vật lý học d. Triết học

**Câu 102.** Các phạm trù: vật chất, ý thức, vận động, mâu thuẫn, bản chất, hiện tượng là những phạm trù của khoa học nào?

- a. Kinh tế chính trị học c. Hoá học
- b. Luật học *d. Triết học*

**Câu 103.** Thêm cụm từ nào vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa về phạm trù: "phạm trù là những ..... phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ chung, cơ bản nhất của các sự vật và hiện tượng thuộc một lĩnh vực nhất định"

- a. Khái niệm c. Mối liên hệ cơ bản nhất
- b. Khái niệm rộng nhất *d. Gồm b và c*

**Câu 104.** Thêm cụm từ nào vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù triết học: "Phạm trù triết học là những khái niệm chung nhất phản ánh những mặt, những mối liên hệ cơ bản và phổ biến nhất của .....(2).... hiện thực"

- a. Các sự vật của *c. Toàn bộ thế giới*
- b. Một lĩnh vực của d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 105.** Đây là quan điểm siêu hình trong các luận điểm sau:

- a. Phạm trù triết học tồn tại độc lập không có liên hệ gì với phạm trù của các khoa học*
- b. Phạm trù triết học tồn tại trong mối liên hệ với phạm trù của các khoa học cụ thể

- c. Cả a và b đều sai
- d. Cả a, b đều đúng

**Câu 106.** Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về quan hệ giữa phạm trù triết học và phạm trù của các khoa học cụ thể như thế nào?

- a. Không quan hệ gì với nhau
- b. Là quan hệ giữa cái chung với cái chung
- c. Là quan hệ giữa cái chung với cái riêng*
- d. Là quan hệ giữa cái riêng với cái riêng

**Câu 107.** Trường phái triết học nào cho rằng phạm trù là những thực thể ý niệm tồn tại độc lập với ý thức con người và thế giới vật chất?

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan*
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 108.** Trường phái triết học nào cho rằng phạm trù được hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người?

- a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng*
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII

**Câu 109.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng nội dung phạm trù có tính chất gì?

- a. Khách quan*
- c. Vừa khách quan, vừa chủ quan
- b. Chủ quan
- d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 110.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng hình thức của các phạm trù có tính chất gì?

- a. Tính khách quan
- c. Cả a và b đều sai
- b. Tính chất chủ quan*
- d. Cả a, b đều đúng

**Câu 111.** Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính chất của các phạm trù: Nội dung của phạm trù có tính ..

(1) ..., hình thức của phạm trù có tính...(2)..

a. (1) chủ quan, (2) khách quan

b. (1) chủ quan, (2) chủ quan.

*c. (1) khách quan, (2) chủ quan*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 112.** Quan điểm triết học nào cho rằng các phạm trù hoàn toàn tách rời nhau, không vận động, phát triển?

*a. Quan điểm siêu hình*

b. Quan điểm duy vật biện chứng

c. Quan điểm duy tâm biện chứng

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 113.** Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái riêng: "cái riêng là phạm trù triết học dùng để chỉ ....."

*a. Một sự vật, một quá trình riêng lẻ nhất định*

b. Một đặc điểm chung của các sự vật

c. Nét đặc thù của một số các sự vật

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 114.** Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái chung: "cái chung là phạm trù triết học dùng để chỉ ....., được lặp lại trong nhiều sự vật hay quá trình riêng lẻ".

a. Một sự vật, một quá trình

*b. Những mặt, những thuộc tính*

c. Những mặt, những thuộc tính không

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 115.** Thêm cụm từ vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái đơn nhất: "Cái đơn nhất là phạm trù triết học dùng để chỉ....."

a. Những mặt lặp lại trong nhiều sự vật

b. Một sự vật riêng lẻ

*c. Những nét, những mặt chỉ có ở một sự vật*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 116.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng

a. Chỉ có cái chung tồn tại khách quan và vĩnh viễn

b. Chỉ có cái riêng tồn tại khách quan và thực sự

*c. Cái riêng và cái chung đều tồn tại khách quan và không tách rời nhau*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 117.** Đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng?

a. Cái chung tồn tại khách quan, bên ngoài cái riêng

b. Cái riêng tồn tại khách quan không bao chứa cái chung

*c. Không có cái chung thuần túy tồn tại ngoài cái riêng, cái chung tồn tại thông qua cái riêng*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 118.** Trong những luận điểm sau, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a. Mỗi con người là một cái riêng, không có gì chung với người khác

*b. Mỗi con người vừa là cái riêng, đồng thời có nhiều cái chung với người khác*

c. Mỗi người chỉ là sự thể hiện của cái chung, không có cái đơn nhất của nó

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 119.** Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm nguyên nhân: Nguyên nhân là phạm trù chỉ ....(1).. giữa các mặt trong một sự vật, hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra ...(2)..

a. (1) sự liên hệ lẫn nhau, (2) một sự vật mới

b. (1) sự thống nhất, (2) một sự vật mới

*c. (1) sự tác động lẫn nhau, (2) một biến đổi nhất định nào đó*

d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 120.** Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm kết quả: "Kết quả là ...(1).. do ...(2).. lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra"

- a. (1) mối liên hệ, (2) kết hợp
- b. (1) sự tác động, (2) những biến đổi
- c. (1) những biến đổi xuất hiện, (2) sự tác động*
- d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 121.** Xác định nguyên nhân của sự phát sáng của bóng đèn dây tóc.

- a. Nguồn điện
- b. Dây tóc bóng đèn
- c. Sự tác động giữa dòng điện và dây tóc bóng đèn*
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 122.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng đâu là nguyên nhân của cách mạng vô sản.

- a. Sự xuất hiện giai cấp tư sản
- b. Sự xuất hiện nhà nước tư sản
- c. Sự xuất hiện giai cấp vô sản và Đảng của nó
- d. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản*

**Câu 123.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Mối liên hệ nhân quả là do ý lý tính thế giới quyết định

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan*
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 124.** Luận điểm sau đây là thuộc lập trường triết học nào: Mọi hiện tượng, quá trình đều có nguyên nhân tồn tại khách quan không phụ thuộc vào việc chúng ta có nhận thức được điều đó hay không.

- a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan



*c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 125.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù tất nhiên: tất nhiên là cái do ..(1).. của kết cấu vật chất quyết định và trong những điều kiện nhất định nó phải ...(2).. .. chứ không thể khác được

a. (1) nguyên nhân bên ngoài, (2) xảy ra như thế

*b. (1) những nguyên nhân bên trong, (2) xảy ra như thế*

c. (1) những nguyên nhân bên trong, (2) không xác định được

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 126.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm ngẫu nhiên: "Ngẫu nhiên là cái không do ...(1)... kết cấu vật chất quyết định, mà do ... (2)... quyết định"

a. (1) nguyên nhân, (2) hoàn cảnh bên ngoài

*b. (1) Mọi liên hệ bản chất bên trong, (2) nhân tố bên ngoài*

c. (1) mối liên hệ bên ngoài, (2) mối liên hệ bên trong

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 127.** Luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Mọi cái chung đều là cái tất yếu

b. Mọi cái chung đều không phải là cái tất yếu

*c. Chỉ có cái chung được quyết định bởi bản chất nội tại của sự vật mới là cái tất yếu*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 128.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Tất nhiên là cái chúng ta biết được nguyên nhân và chi phối được nó

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

*b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 129.** Điền tập hợp từ vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm nội dung: nội dung là .... những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật

- a. Sự tác động
- b. Sự kết hợp
- c. Tổng hợp tất cả*
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 130.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù hình thức: Hình thức là ...(1)... của sự vật, là hệ thống ...(2)... giữa các yếu tố của sự vật.

- a. (1) các mặt các yếu tố, (2) mối liên hệ
- b. (1) phương thức tồn tại và phát triển, (2) các mối liên hệ tương đối bền vững*
- c. (1) tập hợp tất cả những mặt, (2) mối liên hệ bền vững
- d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 131.** Điền cụm từ thích hợp vào câu sau để được khái niệm về hình thức: Hình thức là hệ thống ..... giữa các yếu tố của sự vật.

- a. Mối liên hệ tương đối bền vững*
- b. Hệ thống các bước chuyển hoá
- c. Mặt đối lập
- d. Mâu thuẫn được thiết lập

**Câu 132.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

- a. Không có hình thức tồn tại thuần túy mà không chứa đựng nội dung
- b. Nội dung nào cũng tồn tại trong một hình thức nhất định
- c. Nội dung và hình thức hoàn toàn tách rời nhau*
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 133.** Điền cụm từ thích hợp vào câu sau để được định nghĩa khái niệm bản chất: Bản chất là tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ ...(1)... bên trong sự vật, quy định sự ...(2)... của sự vật.

- a. (1) chung, (2) vận động và phát triển
- b. (1) ngẫu nhiên, (2) tồn tại và biến đổi
- c. (1) tất nhiên, tương đối ổn định, (2) vận động và phát triển*
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 134.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm hiện tượng: Hiện tượng là ..... của bản chất.

- a. Cơ sở
- b. Nguyên nhân
- c. Biểu hiện ra bên ngoài*
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 135.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Bản chất chỉ là tên gọi trống rỗng, do con người đặt ra, không tồn tại thực"

- a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*
- b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 136.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm hiện thực: "Hiện thực là phạm trù triết học chỉ cái ....."

- a. Mọi liên hệ giữa các sự vật
- b. Chưa có, chưa tồn tại
- c. Hiện có đang tồn tại*
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 137.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm khả năng: "Khả năng là phạm trù triết học chỉ ..... khi có các điều kiện thích hợp"

- a. Cái đang có, đang tồn tại
- b. Cái chưa có, nhưng sẽ có*
- c. Cái không thể có
- d. Cái tiền đề để tạo nên sự vật mới

**Câu 138.** Dấu hiệu để phân biệt khả năng với hiện thực là gì?

- a. Sự có mặt và không có mặt trên thực tế*
- b. Sự nhận biết được hay không nhận biết được
- c. Sự xác định hay không xác định
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 139.** Cho nhận thức chỉ là sự phức hợp những cảm giác của con người, đó là quan điểm của:

- a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan
- b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan**
- c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 140.** Luận điểm nào sau đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của nhận thức

- a. Nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan
- b. Nhận thức là quá trình linh hồn hồi tưởng về thế giới ý niệm
- c. Nhận thức là quá trình phản ánh một cách tích cực và sáng tạo hiện thực khách quan vào trong đầu óc con người và dựa trên cơ sở hoạt động thực tiễn**
- d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 141.** Cognition thực tiễn là cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của nhận thức, là động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn của chân lý. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận của:

- a. CNDVBC**
- b. CNDV trước Mác
- c. CNDT chủ quan
- d. CNDT khách quan.

**Câu 142.** Thực tiễn được hiểu là hoạt động vật chất của con người. Đó là quan niệm của

- a. CNDV trước Mác
- b. CNDVBC
- c. CNDT
- d. a và b**

**Câu 143.** Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau để được định nghĩa về phạm trù thực tiễn: "Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động .... , mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội"

- a. Vật chất
- b. Tinh thần
- c. Vật chất có mục đích**
- d. Tinh thần có mục đích

**Câu 144.** Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau để được định nghĩa về phạm trù thực tiễn: "Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động vật chất có mục đích, mang tính .... của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội".

a. Cá nhân

c. Lịch sử

b. Tự giác

*d. Lịch sử - xã hội*

**Câu 145.** Theo quan điểm của CNDVBC có bao nhiêu hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản

a. Có 2 hình thức

c. Có 4 hình thức

*b. Có 3 hình thức*

d. Có 5 hình thức.

**Câu 146.** Những hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn

a. Sản xuất vật chất.

c. Chính trị xã hội

b. Quan sát và thực nghiệm khoa học

*d. Cả a, b và c*

**Câu 147.** Trong những hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn, hình thức nào là cơ bản nhất, có ý nghĩa quyết định đối với các hình thức khác

*a. Sản xuất vật chất*

c. Quan sát và thực nghiệm khoa học

b. Chính trị xã hội

d. Không có hình thức nào

**Câu 148.** Hoạt động thực tiễn nào tạo ra của cải thiết yếu có tính quyết định đối với sự tồn tại và phát triển con người

*a. Hoạt động sản xuất vật chất*

c. Hoạt động Thực nghiệm khoa học

b. Hoạt động chính trị xã hội

d. Cả a, b và c

**Câu 149.** Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức là

a. Thực tiễn là cơ sở, động lực và mục đích của nhận thức

b. Thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm tra chân lý

c. Thực tiễn là hiện thực hoá nhận thức

*d. Phương án a và b*

**Câu 150.** Quan điểm thực tiễn đòi hỏi nhận thức phải

a. Xuất phát từ thực tiễn

c. Coi trọng tổng kết thực tiễn

b. Đi sâu vào thực tiễn

*d. Cả a, b và c*

**Câu 151.** Giai đoạn nhận thức nào hình thành nên các cảm giác ở con người

*a. Nhận thức cảm tính*

c. Nhận thức lý luận

b. Nhận thức lý tính

d. Cả a, b, và c

**Câu 152.** Giai đoạn nhận thức nào hình thành nên các tri giác

*a. Nhận thức cảm tính*

c. Nhận thức lý luận

b. Nhận thức lý tính.

d. Phương án b và c

**Câu 153.** Biểu tượng là hình thức nhận thức ở giai đoạn nào

a. Nhận thức lý tính

*c. Nhận thức cảm tính*

b. Nhận thức khoa học

d. Cả a, b và c

**Câu 154.** Nhận thức cảm tính có những hình thức nào

a. Cảm giác

c. Biểu tượng

b. Tri giác

*d. Cả a, b và c*

**Câu 155.** Nhận thức lý tính có những hình thức nào

a. Khái niệm

c. Suy luận

b. Phán đoán

*d. Cả a, b và c*

**Câu 156.** Khái niệm là hình thức nhận thức ở giai đoạn nào

a. Cảm tính

c. Trục quan sinh động

*b. Lý tính*

d. Phương án a và b

**Câu 157.** Phán đoán là hình thức nhận thức ở giai đoạn nào

a. Cảm tính

c. Cả a và b

*b. Lý tính*

d. Cả a,b,c đều sai

**Câu 158.** Suy luận là hình thức nhận thức thuộc giai đoạn nào

a. Cảm tính

c. Cả a và b.

*b. Lý tính*

d. Cả a,b,c đều sai

**Câu 159.** Cảm giác màu sắc, mùi vị và nhiệt độ của sự vật là nhận thức thuộc giai đoạn nào

*a. Giai đoạn nhận thức cảm tính*

c. Cả a và b đều đúng

b. Giai đoạn nhận thức Lý tính

d. Cả a,b đều sai

**Câu 160.** Nhận thức cảm tính có đặc điểm gì

a. Phản ánh trực tiếp hiện thực khách quan

b. Phản ánh được những thuộc tính đa dạng, bên ngoài của sự vật

c. Chưa phản ánh được mối liên hệ bên trong, bản chất của sự vật

*d. Cả a, b và c*

**Câu 161.** Nhận thức lý tính có những đặc điểm gì

- a. Phản ánh khái quát hiện thực khách quan
- b. Phản ánh gián tiếp hiện thực khách quan
- c. Phản ánh được những mối liên hệ bên trong bản chất của sự vật*
- d. Cả a, b và c

**Câu 162.** Đây là quan điểm về chân lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng

- a. Chân lý là những luận điểm được nhiều người thừa nhận
- b. Chân lý là luận điểm phản ánh đúng hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm*
- c. Chân lý là những luận điểm của kẻ mạnh
- d. Chân lý là những suy luận chính xác, không có mâu thuẫn

**Câu 163.** Chân lý có những tính chất gì

- a. Tính khách quan
- c. Tính cụ thể
- b. Tính tương đối và tuyệt đối
- d. Cả a, b và c*

**Câu 164.** Để đề ra đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã căn cứ vào đâu

- a. Điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước
- b. Những quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin
- c. Những kinh nghiệm của các nước trên thế giới
- d. Cả a, b và c*

### CHƯƠNG III: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ

**Câu 1.** Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm triết học mácxít:  
“Sản xuất vật chất là đặc trưng của . . .”

- a. Con người hiện đại
- b. Con người*
- c. Cả con người và động vật cao đẳng
- d. Con người sống trong xã hội tư bản chủ nghĩa

**Câu 2.** Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm triết học mácxít:  
“Phương thức sản xuất là cách thức con người . . .”

- a. Quan hệ với tự nhiên.
- b. Tái sản xuất giống loài.
- c. Quan hệ với nhau trong sản xuất.
- d. Thực hiện sản xuất vật chất ở mỗi giai đoạn lịch sử*

**Câu 3.** Sản xuất xã hội là

- a. Sản xuất vật chất
- b. Sản xuất tinh thần
- c. Sản xuất ra chính bản thân con người
- d. Cả a,b và c*

**Câu 4.** Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ (MQH) nào?

- a. MQH giữa các yếu tố vật chất và tinh thần trong hoạt động sản xuất
- b. MQH giữa con người với con người
- c. MQH giữa con người với tự nhiên*
- d. MQH giữa con người với tự nhiên và với nhau

**Câu 5.** Quan hệ sản xuất biểu hiện mối quan hệ nào?

- a. MQH giữa các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất
- b. MQH giữa con người với tự nhiên trong sản xuất
- c. MQH giữa con người với con người trong sản xuất*



d. a, b và C đều đúng

**Câu 6.** Lực lượng sản xuất bao gồm các yếu tố nào?

a. Tư liệu sản xuất và người lao động

b. Tư liệu sản xuất, công cụ lao động và người lao động

c. Tư liệu sản xuất, công cụ lao động, người lao động và phương tiện lao động

*d. Tư liệu sản xuất, công cụ lao động, người lao động, phương tiện lao động và đối tượng lao động*

**Câu 7.** Yếu tố mang tính cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất là gì?

a. Người lao động

*b. Công cụ lao động*

c. Phương tiện lao động

d. Tư liệu lao động

**Câu 8.** Quy luật (QL) xã hội nào giữ vai trò quyết định đối với sự vận động và phát triển của xã hội?

*a. QL về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*

b. QL tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

c. QL cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng.

d. QL đấu tranh giai cấp

**Câu 9.** Thực chất của mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là gì?

*a. QH giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần xã hội*

b. QH giữa kinh tế và chính trị

c. QH giữa các giai cấp có lợi ích đối kháng nhau

d. QH giữa tồn tại xã hội với ý thức xã hội

**Câu 10.** Theo quan điểm triết học mácxít, lực lượng sản xuất có thể có những tính chất gì?

a. Tính quy mô lớn hay nhỏ.

b. Tính có tổ chức cao hay thấp.

*c. Tính cá nhân hay tính xã hội.*

d. Tính giản đơn hay phức tạp.

**Câu 11.** Trình độ của lực lượng sản xuất biểu hiện ở chỗ nào?

a. Nó sản xuất ra cái gì cho xã hội.

b. Trình độ của người lao động và công cụ lao động; việc tổ chức và phân công lao động.

c. Khối lượng sản phẩm nhiều hay ít mà xã hội tạo ra.

*d. cả a, b, c đều đúng.*

**Câu 12.** Quan hệ nào có vai trò quyết định trong hệ thống các quan hệ sản xuất?

*a. Quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất.*

b. Quan hệ tổ chức, quản lý quá trình sản xuất xã hội.

c. Quan hệ phân phối sản phẩm do xã hội sản xuất ra.

d. Cả a, b, c đều sai.

**Câu 13.** Trong mỗi quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất (LLSX) và quan hệ sản xuất (QHSX) điều gì luôn xảy ra?

*a. LLSX quyết định QHSX.*

b. QHSX quyết định LLSX.

c. Không cái nào quyết định cái nào.

d. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của nền sản xuất xã hội mà xác định vai trò quyết định thuộc về QHSX hay LLSX.

**Câu 14.** Vai trò của quan hệ sản xuất (QHSX) đối với lực lượng sản xuất (LLSX) biểu hiện như thế nào?

a. QHSX kìm hãm LLSX.

b. QHSX thúc đẩy LLSX.

*c. QHSX có thể thúc đẩy hay kìm hãm LLSX tùy thuộc vào sự phù hợp hay không phù hợp của nó với LLSX.*

d. Lúc đầu, QHSX thúc đẩy LLSX, nhưng sau đó, QHSX kìm hãm LLSX.

**Câu 15.** Cơ sở hạ tầng là khái niệm dùng để chỉ điều gì?

*a. Toàn bộ các quan hệ sản xuất của xã hội hợp thành kết cấu kinh tế của*

*xã hội.*

- b. Toàn bộ lực lượng sản xuất của xã hội.
- c. Toàn bộ lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.
- d. Các công trình được xây dựng phục vụ cho các hoạt động của xã hội

**Câu 16.** Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm triết học mácxít:

“Cơ sở hạ tầng là nền tảng . . . của đời sống xã hội”.

*a. Vật chất - kỹ thuật*

- b. Tinh thần
- c. Kinh tế
- d. Vật chất và kinh tế

**Câu 17.** Đặc trưng của cơ sở hạ tầng được quy định bởi quan hệ sản xuất (QHSX) nào?

- a. QHSX tàn dư do xã hội trước để lại.
- b. QHSX mầm mống của xã hội mai sau.
- c. Tất cả các QHSX hiện có.

*d. Cả a, b, c đều sai.*

**Câu 18.** Kiến trúc thượng tầng là khái niệm dùng để chỉ điều gì?

- a. Toàn bộ các quan hệ chính trị, pháp quyền hiện tồn trong xã hội.
- b. Toàn bộ các tư tưởng và các tổ chức chính trị, pháp quyền của mọi giai cấp trong xã hội.

*c. Toàn bộ các quan điểm, tư tưởng và các thiết chế xã hội tương ứng được hình thành trên cơ sở hạ tầng.*

d. Toàn bộ các quan điểm, tư tưởng và các thiết chế của giai cấp thống trị trong xã hội được hình thành trên cơ sở hạ tầng.

**Câu 19.** Trong mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng (CSHT) và kiến trúc thượng tầng (KTTT) điều gì luôn xảy ra?

*a. CSHT quyết định KTTT.*

b. KTTT quyết định CSHT.

c. Tùy thuộc vào thời đại kinh tế cụ thể mà xác định CSHT quyết định KTTT, hay KTTT quyết định CSHT.

d. Không cái nào quyết định cái nào

**Câu 20.** Lực lượng sản xuất có vai trò như thế nào trong một hình thái kinh tế - xã hội?

*a. Nền tảng vật chất - kỹ thuật của xã hội.*

b. Bảo vệ trật tự kinh tế của xã hội.

c. Quy định thái độ và hành vi của con người trong xã hội.

d. Quy định mọi quan hệ xã hội

**Câu 21.** Phát triển bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa (TBCN) ở nước ta hiện nay được hiểu như thế nào?

a. Không xây dựng quan hệ sản xuất TBCN.

b. Bỏ qua mọi yếu tố gắn liền với phương thức sản xuất TBCN.

*c. Bỏ qua việc xác lập vai trò thống trị của quan hệ sản xuất TBCN và sự thống trị của giai cấp tư sản.*

d. Bỏ qua sự phát triển lực lượng sản xuất mang tính chất TBCN.

**Câu 22.** Hình thức cộng đồng người đầu tiên trong lịch sử là

a. Bộ lạc

*c. Thị tộc*

b. Bộ tộc

d. Dân tộc

**Câu 23.** Sắp xếp các hình thức cộng đồng người trong lịch sử theo thứ tự từ sớm đến muộn nhất.

a. Thị tộc -> bộ tộc -> bộ lạc -> dân tộc

b. Bộ lạc -> bộ tộc -> thị tộc -> dân tộc

*c. Thị tộc -> bộ lạc -> bộ tộc -> dân tộc*

d. Thị tộc -> bộ lạc -> dân tộc -> bộ tộc

**Câu 24.** Sự khác nhau về địa vị của giai cấp trong hệ thống sản xuất là do cái gì quyết định?

*a. Do quan hệ đối với việc sở hữu tư liệu sản xuất*

b. Do vai trò trong tổ chức, quản lý sản xuất và lao động xã hội

c. Do phương thức và quy mô thu nhập những sản phẩm lao động của xã hội.

d. Cả a, b và c

**Câu 25.** Nguyên nhân quyết định trực tiếp cho sự ra đời giai cấp là gì?

- a. Năng suất lao động cao có sản phẩm dư thừa
- b. Sự phân công lao động xã hội đã phát triển
- c. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất*
- d. Công cụ bằng kim loại đã xuất hiện

**Câu 26.** Giai cấp đối kháng đầu tiên trong lịch sử xuất hiện trong xã hội nào?

- a. Xã hội chiếm hữu nô lệ*
- b. Xã hội phong kiến
- c. Xã hội tư bản
- d. Xã hội cộng sản nguyên thủy

**Câu 27.** Đây là giai cấp cơ bản của một xã hội có giai cấp trong lịch sử?

- a. Những giai cấp gắn với phương thức sản xuất đang giữ địa vị thống trị.*
- b. Những giai cấp gắn với tàn dư của phương thức sản xuất cũ còn lại trong xã hội đương thời
- c. Những giai cấp gắn với nhiều phương thức sản xuất trong lịch sử
- d. Cả a.b.c đều sai

**Câu 28.** Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, giai cấp nào là giai cấp cơ bản?

- a. Giai cấp chủ nô
- b. Giai cấp nô lệ
- c. Cả a và b đều đúng*
- d. Cả a và b đều sai

**Câu 29.** Trong xã hội phong kiến giai cấp nào là giai cấp cơ bản

- a. Địa chủ phong kiến và nông dân*
- b. Chủ nô và nô lệ
- c. Tư sản và vô sản
- d. Cả a, b và c

**Câu 30.** Trong xã hội tư bản giai cấp cơ bản là?

- a. Giai cấp tư sản và giai cấp địa chủ
- b. Giai cấp vô sản
- c. Giai cấp tư sản và vô sản*

d. Cả a, b và c

**Câu 31.** Giai cấp nào tiêu biểu cho bản chất của chế độ kinh tế - xã hội của xã hội tư bản chủ nghĩa?

a. Giai cấp tư sản và vô sản

*b. Giai cấp tư sản*

c. Giai cấp vô sản

d. Tầng lớp trí thức

**Câu 32.** Thực chất của cuộc đấu tranh giai cấp là gì?

a. Là cuộc đấu tranh giữa những bộ phận nhân dân này chống lại bộ phận nhân dân khác.

b. Là cuộc đấu tranh giành chính quyền nhà nước

*c. Là cuộc đấu tranh giải quyết mâu thuẫn về lợi ích giữa quần chúng nhân dân bị áp bức, bóc lột chống lại giai cấp thống trị, bóc lột*

d. Cả a, b và c

**Câu 33.** Đấu tranh giai cấp xét đến cùng là nhằm mục đích gì?

a. Phát triển sản xuất

*b. Giải quyết mâu thuẫn giai cấp*

c. Lật đổ sự thống trị của giai cấp thống trị

d. Giam cầm chính quyền nhà nước.

**Câu 34.** Nguyên nhân khách quan của đấu tranh giai cấp là

a. Sự bóc lột nặng nề của giai cấp thống trị

b. Sự trì trệ của chính quyền nhà nước

c. Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật

*d. Mâu thuẫn giữa sự phát triển của lực lượng sản xuất đạt trình độ cao, mang tính xã hội hoá sâu rộng với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đã trở nên lạc hậu*

**Câu 35.** Nhận định nào sau đây là sai?

a. Đấu tranh giai cấp là động lực duy nhất của sự phát triển của xã hội có giai cấp

*b. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội có giai cấp*

c. Cả a và b đều đúng

d. Cả a và b đều sai

**Câu 36.** Nhận định nào sau đây là sai?

a. Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của mọi giai cấp.

b. Đấu tranh giai cấp chỉ là sự cản trở xã hội phát triển

*c. Cả a và b đều đúng*

d. Cả a và b đều sai

**Câu 37.** Nhận định nào sau đây là đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực quan trọng của sự phát triển của xã hội có giai cấp.

b. Đấu tranh giai cấp không phải là động lực duy nhất của sự phát triển của xã hội có giai cấp

*c. Cả a và b đều đúng*

d. Cả a và b đều sai

**Câu 38.** Trong quá trình phát triển của các phương thức sản xuất, giai cấp nào đại diện cho phương thức sản xuất mới tiến bộ

*a. Giai cấp tiên tiến cách mạng*

b. Giai cấp thống trị bóc lột

c. Cả a và b đều đúng

d. Cả a và b đều sai

**Câu 39.** Giai cấp nào thường bảo vệ quan hệ sản xuất đã lỗi thời?

a. Giai cấp tiên tiến cách mạng

b. Giai cấp trung gian

*c. Giai cấp thống trị bóc lột*

d. Cả a, b và c đều sai

**Câu 40.** Vì sao giai cấp thống trị bóc lột lại bảo vệ quan hệ sản xuất đã lỗi thời?

*a. Lợi ích giai cấp thống trị gắn với quan hệ sản xuất lỗi thời*

b. Vì không hiểu biết quy luật khách quan

c. Vì thói quen

d. Do cả a, b và c

**Câu 41.** Nhận định nào sau đây là đúng?

a. Đấu tranh giai cấp góp phần xoá bỏ các thế lực phản động

b. Đấu tranh giai cấp cải tạo bản thân giai cấp cách mạng

*c. Cả a và b đều đúng*

d. Cả a và b đều sai

**Câu 42.** Cuộc đấu tranh giai cấp cuối cùng trong lịch sử loài người là cuộc đấu tranh giai cấp nào?

a. Cuộc đấu tranh giữa chủ nô và nô lệ

b. Cuộc đấu tranh giữa tư sản và địa chủ phong kiến

*c. Cuộc đấu tranh giữa tư sản và vô sản*

d. Cả a, b và c đều sai

**Câu 43.** Nhận định nào sau đây là đúng?

*a. Hiện nay ở Việt Nam còn giai cấp và còn đấu tranh giai cấp*

b. Hiện nay ở Việt Nam không còn giai cấp và đấu tranh giai cấp nữa

c. Hiện nay ở Việt Nam còn giai cấp nhưng không còn đấu tranh giai cấp

d. Cả a, b và c

**Câu 44.** Nhận định nào sau đây trình bày đúng mục tiêu đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay?

a. Đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay diễn ra trong điều kiện mới.

b. Đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay có nội dung và hình thức mới.

*c. Đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay nhằm củng cố phát triển chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập dân tộc, chống áp bức bất công, chống bóc lột, chống nghèo nàn lạc hậu*

d. Cả a, b và c

**Câu 45.** Đây là nội dung cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay?

a. Khắc phục tình trạng nước nghèo kém phát triển



- b. Giành chính quyền về tay nhân dân
- c. Thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức bất công

*d. a và c*

**Câu 46.** Đảng ta khẳng định động lực chủ yếu để phát triển đất nước hiện nay là gì?

a. Đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo

- b. Kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội
- c. Phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế của toàn xã hội

*d. Cả a, b và c*

**Câu 47.** Sự tồn tại các giai cấp đối kháng gắn với chế độ xã hội nào?

- a. Chế độ chiếm hữu nô lệ
- b. chế độ phong kiến
- c. Chế độ tư bản chủ nghĩa

*d. Cả a, b và c*

**Câu 48.** Trong số các dấu hiệu về sự khác nhau của giai cấp sự khác nhau nào có ý nghĩa quyết định?

*a. Sự khác nhau về quan hệ của họ (giai cấp) đối với việc sở hữu những tư liệu sản xuất của xã hội*

b. Khác nhau về vai trò của họ trong tổ chức quản lý quá trình sản xuất, tổ chức quản lý lao động xã hội

c. Khác nhau về phương thức và quy mô thu nhập những sản phẩm lao động xã hội

d. Cả a,b và c đều sai

**Câu 49.** Trong xã hội có giai cấp, giai cấp nào thống trị xã hội?

- a. Giai cấp chiếm phần đông đảo nhất trong dân cư
- b. Giai cấp có tư tưởng tiến bộ nhất trong xã hội

*c. Giai cấp nắm tư liệu sản xuất của xã hội*

d. Giai cấp nắm được tri thức khoa học

**Câu 50.** Nhân tố chi phối sự phân hoá của các tầng lớp trung gian là gì?

- a. Do ý chí của giai cấp thống trị
- b. Do mong muốn chủ quan của tầng lớp trung gian
- c. Do lợi ích của các tầng lớp trung gian*
- d. Cả a,b và c đều sai

**Câu 51.** Trong mỗi giai đoạn phát triển cụ thể của lịch sử, lực lượng tiêu biểu và lãnh đạo dân tộc là ai?

- a. Giai cấp có tư tưởng tiên tiến
- b. Giai cấp chiếm số đông đảo nhất trong dân cư
- c. Giai cấp nào có lợi ích gắn liền với phương thức sản xuất thông trị*
- d. Cả a,b và c đều sai

**Câu 52.** Lợi ích của giai cấp thống trị và lợi ích dân tộc quan hệ với nhau như thế nào?

- a. Luôn luôn thống nhất với nhau
- b. Không phải khi nào cũng thống nhất với nhau
- c. Có khi trái ngược nhau

*d. Phương án b và c*

**Câu 53.** Trong xã hội còn giai cấp đối kháng và còn đấu tranh giai cấp, vấn đề quan hệ giai cấp và dân tộc được giải quyết dựa trên cái gì?

- a. Trên lập trường giai cấp nhất định*
- b. Trên sự thoả thuận của các giai cấp
- c. Trên ý muốn chủ quan của một cá nhân nhất định
- d. Cả a,b và c đều sai

**Câu 54.** Trong xã hội xã hội chủ nghĩa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc về cơ bản là?

- a. Đối lập nhau.
- b. Phù hợp với nhau*
- c. a và b đều sai
- d. Cả a và b đều đúng

**Câu 55.** Nhận định nào sau đây đúng với quan điểm của CNDVBC?

a. Ngày nay, ở nước ta mối quan hệ giữa các giai cấp và các tầng lớp chỉ là hợp tác, không còn đấu tranh

*b. Ngày nay, ở nước ta mối quan hệ giữa các giai cấp và các tầng lớp chủ yếu là hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân nhằm tăng cường đoàn kết*

c. Cả a và b đều đúng

d. Cả a và b đều sai

**Câu 56.** Cơ sở khoa học tự nhiên của quan niệm “con người là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của thế giới tự nhiên”

a. Học thuyết tế bào

b. Học thuyết di truyền

*c. Học thuyết tiến hoá*

d. Cả a,b và c đều đúng

**Câu 57.** Yếu tố nào trong các yếu tố sau đây có vai quyết định quá trình con người tách ra khỏi tự nhiên?

*a. Lao động*

b. Đạo đức

c. Sự thay đổi của điều kiện tự nhiên

d. Tình yêu

**Câu 58.** Xác định yếu tố căn bản nhất phân biệt con người với động vật?

a. Tôn giáo

b. Ý thức

c. Đạo đức

*d. Lao động*

**Câu 59.** Tác giả của câu sau là ai? “Bản chất con người không phải là cái trừu tượng cố hữu của những cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những mối quan hệ xã hội”

*a. C. Mác*

b. Ph. Ăngghen

c. V.I. Lênin

d. Cả a,b và c đều đúng

**Câu 60.** Yếu tố nào trong các yếu tố sau là động lực chính của các cuộc cách mạng xã hội?

- a. Tư tưởng tiên tiến
- b. Võ nhân
- c. *Quần chúng nhân dân*
- d. Chiến tranh

**Câu 61.** Xác định phẩm chất chung cho cả lãnh tụ và vĩ nhân trong những phẩm chất sau:

- a. Có năng lực tập hợp quần chúng nhân dân
- b. Tri thức uyên bác
- c. Tài năng kiệt xuất
- d. *Cả b và c*

**Câu 62.** Trong lịch sử dân tộc, chế độ nào sau đây ra đời đầu tiên?

- a. *Mẫu quyền*
- b. Phụ quyền
- c. Đồng thời
- d. Cả a, b và c

**Câu 63.** Mối quan hệ giữa mặt khách quan và mặt chủ quan của tiến trình lịch sử nhân loại đã được C.Mác đặt ra và giải quyết bằng những cặp phạm trù nào sau đây?

- a. *Hoạt động tự giác và hoạt động tự phát trong sự phát triển lịch sử*
- b. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tất yếu và tự do, điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan.
- c. Cả a và b.
- d. Cá nhân và xã hội, dân tộc và nhân loại

**Câu 64.** Quy luật xã hội nào giữ vai trò quyết định đối với sự vận động, phát triển của xã hội?

- a. *Quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ của LLSX*
- b. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- c. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
- d. Quy luật đấu tranh giai cấp

**Câu 65.** Hình thức vận động nào là cao nhất?

- a. Vận động sinh học
- b. Vận động vật lý
- c. *Vận động xã hội*
- d. Cả a và c

**Câu 66.** Nền tảng chung của các cơ cấu xã hội cụ thể là:

- a. Trình độ phát triển của LLSX
- b. *Mối quan hệ kinh tế giữa người và người*
- c. Kiến trúc thượng tầng của xã hội
- d. Cả a và c

**Câu 67.** Nhận định nào sau đây là sai?

- a. *Xã hội loài người phát triển không tuân theo quy luật*
- b. Xã hội loài người phát triển theo những quy luật khách quan
- c. Xã hội loài người phát triển theo những quy luật phổ biến và những quy luật đặc thù
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 68.** Để tồn tại và phát triển...

- a. Xã hội loài người phải tuân theo những quy luật tự nhiên
- b. Xã hội loài người phải tuân theo những quy luật xã hội
- c. *Xã hội loài người phải tuân theo những quy luật của tự nhiên và những quy luật của xã hội*
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 69.** Hãy tìm câu đúng.

- a. Chỉ có quy luật tự nhiên mang tính khách quan.
- b. Chỉ có quy luật xã hội mang tính khách quan.
- c. *Cả quy luật tự nhiên và quy luật xã hội mang tính khách quan*
- d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 70.** Ý kiến nào sau đây là bất hợp lý?

- a. Thông qua lao động sản xuất, con người đã thu nhận các dòng vật chất, năng lượng từ môi trường tự nhiên.
- b. *Nền sản xuất xã hội là phương thức trao đổi chất giữa xã hội và tự nhiên*
- c. Cần sử dụng đến mức tối đa các nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ cho nhu cầu của con người

d. Cả a, b,c đều đúng

**Câu 71.** Câu nào sau đây không đúng?

*a. Lực lượng sản xuất là đặc trưng cơ bản của mỗi hình thức kinh tế xã hội*

b. LLSX biểu hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người.

c. LLSX là nguồn gốc sâu xa của những biến đổi to lớn trong xã hội

d. Cả a, b,c đều đúng

**Câu 72.** Hãy chỉ ra câu sai trong các câu sau đây?

a. Quy luật xã hội diễn ra thông qua hoạt động của con người

b. Quy luật xã hội thường biến dạng theo hoàn cảnh lịch sử trong từng giai đoạn, từng nước khác nhau.

c. Quy luật xã hội thường diễn ra trong một thời gian rất dài.

*d. Quy luật xã hội phụ thuộc vào ý thức chủ quan của con người*

**Câu 73.** Mệnh đề nào sau đây là sai?

a. Mọi quan hệ giữa xã hội và tự nhiên phụ thuộc vào trình độ phát triển xã hội.

b. Mọi quan hệ giữa xã hội và tự nhiên phụ thuộc vào trình độ nhận thức và vận dụng quy luật trong hoạt động thực tiễn.

*c. Mọi quan hệ giữa xã hội và tự nhiên phụ thuộc vào đặc điểm văn hoá truyền thống của mỗi nước*

d. Cả a, b,c đều đúng

**Câu 74.** Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của LLSX là quy luật:

a. Hoạt động trong hiện thực khách quan

b. Hoạt động trong giới tự nhiên

*c. Hoạt động trong xã hội*

d. Cả a, b,c đều đúng

**Câu 75.** Quy luật xã hội là quy luật:

a. Không mang tính khách quan, vì nó thể hiện thông qua hoạt động có ý thức của con người

*b. Mang tính khách quan và tính phổ biến*

c. Chỉ biểu hiện trong một số hình thái kinh tế xã hội

d. Cả a, b,c đều đúng

**Câu 76.** Quy luật đấu tranh giai cấp hoạt động trong xã hội nào?

a. Công xã nguyên thủy

*b. Trong xã hội phong kiến*

c. Trong suốt quá trình lịch sử

d. Cả a và b

**Câu 77.** Câu nào sau đây là sai?

*a. Con người có thể sáng tạo ra quy luật*

b. Con người có thể nhận thức quy luật

c. Con người có thể vận dụng quy luật

d. Cả a, b,c đều đúng

**Câu 78.** Theo quan niệm duy vật lịch sử,...

*a. Tự do là nhận thức và hành động theo quy luật của tính tất yếu*

b. Tự do là tùy ý lựa chọn những quy luật khách quan.

c. Tự do là theo đuổi những mục đích của mình trong quá trình chinh phục tự nhiên

d. Cả a, b,c đều đúng

**Câu 79.** C.Mác viết: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội”. Điều này có nghĩa gì?

a. C.Mác bác bỏ mặt tự nhiên, sinh học trong đời sống con người.

*b. C.Mác nhấn mạnh bản chất xã hội của con người.*

c. Mác nhấn mạnh bản chất của con người mang tính trừu tượng.

d. Cả a, b và c

**Câu 80.** Theo quan niệm triết học mácxít, con người là gì?

a. Là sản phẩm của lịch sử.

b. Là chủ thể của lịch sử.

*c. Vừa là sản phẩm vừa là chủ thể của lịch sử.*

d. Vừa là sản phẩm vừa là chủ thể của tự nhiên.

**Câu 81.** Quan điểm coi “con người là chủ thể của lịch sử” được hiểu như thế nào?

- a. Con người là trung tâm của vũ trụ.
- b. Con người là ông chủ, các loài sinh vật khác là nô lệ.
- c. *Con người nắm vững và vận dụng sáng tạo các quy luật khách quan tác động vào tự nhiên, xã hội thúc đẩy nó phát triển phù hợp với nhu cầu của mình.*
- d. Con người có thể điều khiển lịch sử phát triển theo ý muốn tốt đẹp của riêng mình.

**Câu 82.** Quần chúng nhân dân là ai?

- a. Là những người sản xuất ra của cải vật chất, những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị, những bộ phận thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.
- b. Chỉ những người thuộc giai cấp bị trị.
- c. *Quần chúng nhân dân là bộ phận có cùng chung lợi ích căn bản bao gồm những thành phần, những tầng lớp và những giai cấp liên kết lại thành tập thể dưới sự lãnh đạo của một cá nhân, một tổ chức hay một đảng phái nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của một thời đại nhất định.*
- d. Chỉ những bộ phận nghèo khổ, thất học trong xã hội.

**Câu 83.** Theo quan điểm triết học mácxít, vai trò quyết định lịch sử thuộc về ai trong xã hội?

- a. Các lãnh tụ, vĩ nhân kiệt xuất.
- b. *Quần chúng nhân dân.*
- c. Các giai cấp bị trị có tinh thần cách mạng triệt để nhất.
- d. Các chính đảng cách mạng, có sự ủng hộ đông đảo của quần chúng nhân dân trong xã hội.

**Câu 84.** Bổ sung để được một câu đúng theo quan điểm triết học mácxít: “Hình thái kinh tế - xã hội là phạm trù của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng để chỉ xã hội...”

- a. *Ở từng giai đoạn lịch sử nhất định.*
- b. Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
- e. Có giai cấp đối kháng nhau.



d. Cả a,b và c đều đúng.

**Câu 85.** Về cấu trúc, hình thái kinh tế - xã hội bao gồm những bộ phận nào?

- a. Giai cấp cơ bản và giai cấp không cơ bản.
- b. *Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng.*
- c. Nhà nước, chính đảng, đoàn thể.
- d. Các quan hệ sản xuất của xã hội.

**Câu 86.** Lực lượng sản xuất có vai trò như thế nào trong một hình thái kinh tế - xã hội?

- a. *Nền tảng vật chất - kỹ thuật của xã hội.*
- b. Bảo vệ trật tự kinh tế của xã hội.
- c. Quy định thái độ và hành vi của con người trong xã hội.
- d. Quy định mọi quan hệ xã hội.

**Câu 87.** Kiến trúc thượng tầng có vai trò gì trong một hình thái kinh tế - xã hội?

- a. *Duy trì, bảo vệ cho cơ sở hạ tầng sinh ra nó.*
- b. Luôn kìm hãm sự phát triển cơ sở hạ tầng.
- c. Luôn thúc đẩy sự phát triển cơ sở hạ tầng.
- d. Cả a, b và c

**Câu 88.** Triết học Mác dựa trên điều gì để phân chia lịch sử của nhân loại?

- a. Hình thức nhà nước.
- b. Hình thức tôn giáo.
- c. *Hình thái ý thức xã hội.*
- d. Hình thái kinh tế - xã hội.

**Câu 89.** Nguồn gốc vận động và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội là gì?

- a. Sự tăng lên không ngừng của năng xuất lao động.
- b. *Sự phát triển liên tục của lực lượng sản xuất.*
- c. Quần chúng nhân dân không ngừng nổi dậy đấu tranh chống các thế lực phản động trong xã hội.

d. Mâu thuẫn giai - tầng trong xã hội, sự thay đổi của quan hệ sản xuất.

**Câu 90.** Sự vận động của hình thái kinh tế - xã hội bị chi phối bởi cái gì?

a. Điều kiện, tình hình của thế giới; môi trường tự nhiên, truyền thống văn hóa.

b. Các quy luật khách quan của xã hội.

c. Ý muốn tốt đẹp của các vĩ nhân, lãnh tụ; khát vọng cháy bỏng của đông đảo quần chúng nhân dân nghèo khổ.

d. *Cả a, b và c*

**Câu 91.** Giá trị khoa học của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội là gì?

a. Giúp hiểu bản chất con người và xã hội loài người.

b. Chỉ ra quy luật vận động của tự nhiên và xã hội.

c. Giúp hiểu đầy đủ, cụ thể từng thời đại lịch sử, từng quốc gia dân tộc.

d. *Chỉ ra sự phát triển của lịch sử nhân loại là một quá trình lịch sử - tự nhiên*

**Câu 92.** Điều gì là nguyên nhân trực tiếp làm xuất hiện nhà nước?

a. Sự thỏa thuận của mọi tầng lớp trong xã hội.

b. *Những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được.*

c. Lý tưởng cao đẹp của các lãnh tụ cách mạng kết hợp các giai tầng lại với nhau.

d. Do sự xung đột của các thế lực tôn giáo trong xã hội.

**Câu 93.** Vấn đề cơ bản đòi hỏi mọi cuộc cách mạng xã hội phải giải quyết là gì?

a. *Giành chính quyền.*

b. Xây dựng lực lượng vũ trang.

c. Cải cách hiệu quả chính quyền cũ.

d. Tiêu diệt hoàn toàn giai cấp thống trị phản cách mạng

**Câu 94.** *Giai cấp (GC) nào có thể trở thành GC lãnh đạo cách mạng xã hội?*

a. GC có mâu thuẫn với giai cấp thống trị và có những lãnh tụ kiệt xuất.

b. *GC đại biểu cho phương thức sản xuất mới.*

- c. GC có mâu thuẫn gay gắt với giai cấp thống trị.
- d. GC cấp vô sản.

**Câu 95. Cách mạng xã hội chỉ có thể giành thắng lợi khi nào?**

- a. Khi có lãnh tụ kiệt xuất lãnh đạo.
- a. Khi tình thế và thời cơ cách mạng xuất hiện đầy đủ.
- b. *Khi xuất hiện điều kiện khách quan và sự chín muồi của nhân tố chủ quan.*
- c. Khi nhân tố chủ quan chín muồi, lãnh tụ kiệt xuất xuất hiện.

**Câu 96. Yếu tố nào không thuộc về ý thức xã hội?**

- a. Quan điểm, tư tưởng của con người.
- b. Truyền thống văn hóa của một dân tộc.
- c. *Môi trường sống của con người.*
- d. Tình cảm, tâm trạng của các giai - tầng.

**Câu 97. Theo quan điểm triết học mácxít, luận điểm nào đúng?**

- a. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội đều bị chi phối bởi Thượng đế.
- b. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội.
- c. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội không ảnh hưởng gì đến nhau.
- d. *Cả a, b và c đều sai.*

**Câu 98. Theo quan điểm triết học mácxít, luận điểm nào sai?**

- a. Ý thức xã hội có tính độc lập tương đối.
- b. *Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội.*
- c. Ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội.
- d. Không phải bất cứ tư tưởng, quan niệm lý luận nào cũng phản ánh rõ ràng và trực tiếp những quan hệ kinh tế của thời đại.